

LỊCH THI KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025-2026 (KỲ THI PHỤ)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1	252INT32501	An toàn mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	08h00	24/07/2026	BMT002	Nguyễn Minh Thi (60151)
2	252COE41001	Anh văn chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tổng hợp	1	08h00	30/07/2026	BPH010	Nguyễn Đình Hùng (61228)
3	252TRA40801	Bán và tiếp thị trong lĩnh vực	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	4	15h10	21/07/2026	BPH009	Phan Trần Tuyên (60059)
4	252TRA40802	Bán và tiếp thị trong lĩnh vực	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	15h10	21/07/2026	BPH009	Phan Trần Tuyên (60059)
5	252HOS31801	Báo cáo chuyên đề 1	1.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
6	252FIN40508	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		31/07/2026		Đào Ngọc Thọ (61017)
7	252FIN40510	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	3		31/07/2026		Phạm Hoàng Ân (02130)
8	252FIN43201	Bảo hiểm	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/07/2026	DMT012	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
9	252FIN43202	Bảo hiểm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	DMT012	Hà Lâm Oanh (61478)
10	252FIN43203	Bảo hiểm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	DMT012	Hà Lâm Oanh (61478)
11	252FIN43204	Bảo hiểm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/07/2026	DMT012	Hà Lâm Oanh (61478)
12	252JAP41801	Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	4	15h10	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Công Nguyên (25084)
13	252ENG41201	Biên dịch thương mại 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	2	15h10	21/07/2026	BPH010	Huỳnh Thanh Bình (25063)
14	252MMC40505	Biên kịch phim ngắn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Dương Bảo Linh (61306)
15	252MMC40512	Biên kịch phim ngắn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)
16	252SOS20420	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	2		31/07/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
17	252COE30502	Cấu tạo kiến trúc	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BPH009	Võ Nhật Luân (61034)
18	252INT32101	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	09h40	20/07/2026	BPH011	Lương Thái Hiền (01005)
19	252INT32104	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	10	09h40	20/07/2026	BPH011	Lương Thái Hiền (01005)
20	252INT32107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	09h40	20/07/2026	BPH011	Dương Quang Triết (60165)
21	252NUR43601	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH009	Lê Ngọc Tuyết (61535)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
22	252NUR43602	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH009	Lê Ngọc Tuyết (61535)
23	252NUR43801	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền ngoại khoa	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Tự luận 60	1	15h10	20/07/2026	BPH010	Nguyễn Phi Hùng (60340)
24	252NUR43802	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền ngoại khoa	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Tự luận 60	5	15h10	20/07/2026	BPH010	Nguyễn Phi Hùng (60340)
25	252NUR43402	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền nội khoa	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	09h40	28/07/2026	BPH009	Lê Thị Kim Chi (60403)
26	252PSY30201	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	1	09h40	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Bảo Ân (60731)
27	252PSY30202	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	2	09h40	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Bảo Ân (60731)
28	252PSY30203	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	5	09h40	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Bảo Ân (60731)
29	252PSY30204	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	2	09h40	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Bảo Ân (60731)
30	252PSY30205	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	3	09h40	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Bảo Ân (60731)
31	252PSY30206	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	4	09h40	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Bảo Ân (60731)
32	252PSY30207	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	3	09h40	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Bảo Ân (60731)
33	252POL10705	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	23/07/2026	DMT012	Hoàng Xuân Phú (61134)
34	252POL10706	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	23/07/2026	DMT012	Hoàng Xuân Phú (61134)
35	252POL10707	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	23/07/2026	DMT012	Hoàng Xuân Phú (61134)
36	252POL10708	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	09h40	23/07/2026	DMT012	Hoàng Xuân Phú (61134)
37	252POL10709	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	23/07/2026	DMT012	Hoàng Xuân Phú (61134)
38	252POL10710	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	23/07/2026	DMT012	Hoàng Xuân Phú (61134)
39	252POL10711	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	23/07/2026	DMT012	Phạm Đình Huân (61408)
40	252POL10712	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	23/07/2026	DMT012	Phạm Việt Em (61045)
41	252POL10713	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	23/07/2026	DMT012	Phạm Việt Em (61045)
42	252POL10716	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	23/07/2026	DMT012	Phạm Việt Em (61045)
43	252POL10717	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	8	09h40	23/07/2026	DMT018	Phạm Việt Em (61045)
44	252POL10720	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	23/07/2026	BMT002	Hồ Ngọc Vinh (60899)
45	252POL10721	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
46	252POL10722	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)
47	252POL10723	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Ngọc Kim Ngân (60863)
48	252POL10724	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	23/07/2026	DMT018	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)
49	252POL10725	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	23/07/2026	DMT018	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)
50	252POL10726	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	09h40	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
51	252POL10727	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
52	252POL10728	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
53	252POL10729	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
54	252POL10730	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
55	252POL10731	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
56	252POL10732	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	23/07/2026	DMT019	Hồ Ngọc Vinh (60899)
57	252POL10733	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	23/07/2026	DMT019	Hồ Ngọc Vinh (60899)
58	252POL10734	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	23/07/2026	DMT019	Hồ Ngọc Vinh (60899)
59	252POL10735	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Khánh Hưng (61459)
60	252POL10736	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Khánh Hưng (61459)
61	252POL10739	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Quế Diệu (04043)
62	252POL10740	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Quế Diệu (04043)
63	252POL10741	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Quế Diệu (04043)
64	252POL10743	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Quế Diệu (04043)
65	252POL10744	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	09h40	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Quế Diệu (04043)
66	252POL10748	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)
67	252POL10749	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)
68	252POL10750	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)
69	252POL10751	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	09h40	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
70	252POL10752	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	11	09h40	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)
71	252POL10753	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	23/07/2026	BMT004	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)
72	252POL10757	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	23/07/2026	BMT004	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
73	252POL10758	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	23/07/2026	BMT004	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
74	252POL10760	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	23/07/2026	BMT004	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
75	252POL10761	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	23/07/2026	BMT004	Lâm Ngọc Linh (60901)
76	252POL10762	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	23/07/2026	BMT004	Lâm Ngọc Linh (60901)
77	252POL10763	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	23/07/2026	BMT004	Lâm Ngọc Linh (60901)
78	252COE30901	Cơ học kết cấu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	3	15h10	21/07/2026	BPH010	Dương Ngọc Châu (61542)
79	252COE30701	Cơ học lý thuyết	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	4	15h10	21/07/2026	BPH010	Nguyễn Bá Khanh (61677)
80	252COE30702	Cơ học lý thuyết	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	4	15h10	21/07/2026	BPH010	Nguyễn Bá Khanh (61677)
81	252INT30301	Cơ sở dữ liệu	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	13h30	28/07/2026	BPH012	Trần Văn Ngân (61155)
82	252INT32307	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	13h30	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
83	252INT32310	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
84	252INT32313	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	10	13h30	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
85	252INT32322	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH011	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
86	252INT32325	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH011	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
87	252INT32328	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	13h30	28/07/2026	BPH011	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
88	252INT32331	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH011	Trần Thanh Tú (60674)
89	252INT32337	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH011	Trần Thanh Tú (60674)
90	252GRA40101	Cơ sở thiết kế đồ họa	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	2	15h10	20/07/2026	BPH010	Trần Quốc Toàn (60754)
91	252GRA40102	Cơ sở thiết kế đồ họa	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	1	15h10	20/07/2026	BPH010	Trần Quốc Toàn (60754)
92	252INT412101	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	12	15h10	23/07/2026	BPH008	Lương Thái Hiền (01005)
93	252INT412104	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	15h10	23/07/2026	BPH008	Lương Thái Hiền (01005)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
94	252FOT42402	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	09h40	22/07/2026	BPH010	Phạm Thị Hồng Loan (60723)
95	252FOT44001	Công nghệ chế biến lương thực	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	08h00	28/07/2026	BPH010	Huỳnh Thành Đạt (60724)
96	252FOT43801	Công nghệ chế biến rau quả	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	2	09h40	24/07/2026	BPH010	Huỳnh Thành Đạt (60724)
97	252INT466101	Công nghệ phần mềm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	24/07/2026	BMT002	Lê Ngọc Hiếu (60824)
98	252FOT44901	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	3	09h40	27/07/2026	BPH009	Phạm Thị Hồng Loan (60723)
99	252BIO42101	Công nghiệp công nghệ sinh học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	08h00	28/07/2026	BPH010	Huỳnh Đăng Hà Uyên (60254)
100	252BIO30401	Đa dạng sinh học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	08h00	24/07/2026	BMT002	Huỳnh Đăng Hà Uyên (60254)
101	252TOU31101	Đại cương lịch sử Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Tiến Vinh (60861)
102	252TOU31102	Đại cương lịch sử Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Tiến Vinh (60861)
103	252TOU31103	Đại cương lịch sử Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Tiến Vinh (60861)
104	252HUR40401	Đánh giá và phát triển nhân viên	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Mai Xuân Nhật Minh (61190)
105	252BUS30225	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Đức Tài (61065)
106	252BUS30230	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Đức Tài (61065)
107	252BUS30235	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Ngọc Diễm Châu (61472)
108	252BUS30236	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Ngọc Diễm Châu (61472)
109	252CHI45301	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	30/07/2026	BPH010	Trương Tư Triển (60286)
110	252INT20101	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	5	08h00	24/07/2026	DMT012	Nguyễn Thị Kim Phượng (61684)
111	252INT20102	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	DMT012	Nguyễn Thị Kim Phượng (61684)
112	252INT20103	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	5	08h00	24/07/2026	DMT012	Nguyễn Thị Kim Phượng (61684)
113	252INT20104	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	6	08h00	24/07/2026	DMT012	Nguyễn Thị Kim Phượng (61684)
114	252INT20105	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	DMT012	Dương Quang Triết (60165)
115	252INT20106	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	DMT012	Dương Quang Triết (60165)
116	252INT20107	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	24/07/2026	DMT012	Vũ Xuân An (60653)
117	252INT20108	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	13h30	20/07/2026	BMT004	Vũ Xuân An (60653)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
118	252INT20109	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	20/07/2026	BMT004	Tổng Minh Đạt (61282)
119	252INT20111	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT004	Tổng Minh Đạt (61282)
120	252INT20116	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	20/07/2026	BMT004	Vũ Xuân An (60653)
121	252INT20117	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	13h30	20/07/2026	DMT019	Vũ Xuân An (60653)
122	252INT20118	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	13h30	20/07/2026	BMT004	Tổng Minh Đạt (61282)
123	252INT20119	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT004	Tổng Minh Đạt (61282)
124	252INT20120	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	13h30	20/07/2026	DMT019	Tổng Minh Đạt (61282)
125	252INT20121	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	13h30	20/07/2026	DMT019	Tổng Minh Đạt (61282)
126	252INT20125	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	DMT019	Nguyễn Quốc Thuận (60895)
127	252INT20127	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	DMT019	Trần Trung Tín (61258)
128	252INT20131	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT002	Vũ Xuân An (60653)
129	252INT20133	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT002	Bùi Thị Hoàng Anh (61076)
130	252INT20134	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT002	Trần Phong Vũ (60645)
131	252INT20135	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	20/07/2026	BMT002	Trần Phong Vũ (60645)
132	252INT20136	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT002	Vũ Xuân An (60653)
133	252INT20144	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	20/07/2026	DMT019	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)
134	252INT20145	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)
135	252INT20148	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT002	Tôn Thất Hoài (61098)
136	252INT20149	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	20/07/2026	BMT002	Tôn Thất Hoài (61098)
137	252INT20150	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	20/07/2026	BMT002	Tôn Thất Hoài (61098)
138	252INT20151	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	13h30	20/07/2026	BMT002	Tôn Thất Hoài (61098)
139	252INT20152	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	13h30	20/07/2026	BMT002	Tôn Thất Hoài (61098)
140	252INT20155	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	20/07/2026	BMT002	Lê Hồng Danh (28007)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
141	252INT20157	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	5	13h30	20/07/2026	BMT002	Tôn Thất Hoài (61098)
142	252TRA44601	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	6	15h10	28/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
143	252TRA44602	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	11	15h10	28/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
144	252TRA44603	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	9	15h10	28/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
145	252TRA44604	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	23	15h10	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
146	252TRA44605	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	1	15h10	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
147	252TRA44606	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
148	252BIO30101	Di truyền học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH104	Phạm Thị Hải Hà (61524)
149	252KOR32001	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKH XH	Trắc nghiệm	1	08h00	22/07/2026	DMT019	Đặng Thị Diệu Linh (60750)
150	252TOU30101	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	6	13h30	28/07/2026	BPH104	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
151	252TOU30102	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	1	13h30	28/07/2026	BPH104	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
152	252TOU30103	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH104	Dương Thị Loan (60190)
153	252TOU30104	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	4	13h30	28/07/2026	BPH104	Dương Thị Loan (60190)
154	252TOU30109	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	1	13h30	28/07/2026	BPH104	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
155	252TOU30110	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	5	13h30	28/07/2026	BPH104	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
156	252TOU30112	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	1	13h30	28/07/2026	BPH104	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
157	252TOU30113	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	4	13h30	28/07/2026	BPH103	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
158	252TOU30114	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	1	13h30	28/07/2026	BPH103	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
159	252TOU30115	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	1	13h30	28/07/2026	BPH103	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
160	252TOU30116	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH103	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
161	252TOU30117	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	8	13h30	28/07/2026	BPH103	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
162	252TOU30118	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	9	13h30	28/07/2026	BPH103	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
163	252TOU30120	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH103	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
164	252TOU30121	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH102	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
165	252TOU30122	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	4	13h30	28/07/2026	BPH102	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
166	252TOU30123	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	5	13h30	28/07/2026	BPH102	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
167	252TOU30126	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH102	Mai lý Hiền (61529)
168	252TOU30128	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	6	13h30	28/07/2026	BPH102	Mai lý Hiền (61529)
169	252TOU30129	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH102	Mai lý Hiền (61529)
170	252TOU30130	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH102	Mai lý Hiền (61529)
171	252ORI30801	Địa lý và dân cư Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BPH010	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
172	242CHI43601	Dịch nói 2	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	20/07/2026	DPH015	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
173	252HOS41101	Dịch vụ chăm sóc khách hàng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	8	15h10	23/07/2026	BPH008	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)
174	252HOS41102	Dịch vụ chăm sóc khách hàng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	4	15h10	23/07/2026	BPH008	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)
175	252HOS41002	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH012	Tô Hồng Gấm (60506)
176	252PUR30719	Điều tra xã hội học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)
177	252PUR30720	Điều tra xã hội học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)
178	252PUR30721	Điều tra xã hội học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)
179	242FRE31401	Đọc - viết 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH012	Nguyễn Minh Ngọc (61256)
180	252NUR41301	Dược lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	23/07/2026	BMT002	Võ Văn Hải (60837)
181	252NUR41303	Dược lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	08h00	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Minh Tùng (61147)
182	252NUR30301	Giải phẫu	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	09h40	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Phi Hùng (60340)
183	252NUR30302	Giải phẫu	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Phi Hùng (60340)
184	252NUR30303	Giải phẫu	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH009	Ngô Minh Quân (61393)
185	252NUR30304	Giải phẫu	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH009	Phạm Trung Chính (61661)
186	252SOS20502	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	5	15h10	23/07/2026	BMT004	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
187	252SOS20503	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	5	15h10	23/07/2026	BMT004	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
188	252SOS20504	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	4	15h10	23/07/2026	BMT004	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
189	252SOS20505	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	4	15h10	23/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
190	252SOS20506	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	1	15h10	23/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
191	252SOS20507	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	3	13h30	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
192	252SOS20509	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	4	13h30	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Thành Đạt (61532)
193	252SOS20510	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	2	13h30	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Thành Đạt (61532)
194	252SOS20511	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	6	13h30	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Thành Đạt (61532)
195	252SOS20512	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	7	15h10	23/07/2026	BMT004	Lê Quang Đức (61597)
196	252SOS20513	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	4	13h30	23/07/2026	BMT002	Lê Quang Đức (61597)
197	252CHI42306	Giao tiếp thương mại cơ bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	30/07/2026	BPH010	Ngô Thị Minh Thủy (61172)
198	252CHI42307	Giao tiếp thương mại cơ bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	7	08h00	30/07/2026	BPH010	Ngô Thị Minh Thủy (61172)
199	252CHI42308	Giao tiếp thương mại cơ bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	30/07/2026	BPH010	Ngô Thị Minh Thủy (61172)
200	252CHI42401	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	29/07/2026	BPH111	Diệp Tuyết Vân (60342)
201	252CHI42402	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	29/07/2026	BPH111	Diệp Tuyết Vân (60342)
202	252CHI42403	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH111	Diệp Tuyết Vân (60342)
203	252CHI42404	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	29/07/2026	BPH111	Diệp Tuyết Vân (60342)
204	252CHI42407	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	29/07/2026	BPH111	Âu Tuyền Diệu (60620)
205	252CHI42408	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	29/07/2026	BPH111	Diệp Tuyết Vân (60342)
206	252HOS41502	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH012	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)
207	252HOS41504	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH012	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)
208	252LIT32501	Hán Nôm cơ bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH111	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)
209	252LIT32503	Hán Nôm cơ bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tổng hợp	5	09h40	29/07/2026	BPH111	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)
210	252LIT32507	Hán Nôm cơ bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH111	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)
211	252LIT32509	Hán Nôm cơ bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH111	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
212	252LIT32511	Hán Nôm cơ bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tổng hợp	4	09h40	29/07/2026	BPH111	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)
213	252ORI30701	Hán tự học tổng hợp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	10	09h40	29/07/2026	BPH011	Nguyễn Công Nguyên (25084)
214	252ORI30703	Hán tự học tổng hợp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	13	09h40	29/07/2026	BPH011	Nguyễn Công Nguyên (25084)
215	252BUS41701	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	1	15h10	28/07/2026	BPH104	Phạm Phương Mai (02011)
216	252BUS41702	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH104	Phạm Phương Mai (02011)
217	252BUS41704	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	3	15h10	28/07/2026	BPH104	Phạm Phương Mai (02011)
218	252BUS41706	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)
219	252BUS41707	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	1	15h10	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)
220	252BUS41708	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	1	15h10	28/07/2026	BPH104	Phạm Thị Diễm (07039)
221	252BUS41709	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	3	15h10	28/07/2026	BPH104	Phạm Thị Diễm (07039)
222	252BUS41711	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	1	15h10	28/07/2026	BPH104	Phạm Thị Diễm (07039)
223	252BUS41712	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	4	15h10	28/07/2026	BPH104	Phạm Thị Diễm (07039)
224	252BUS41713	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH104	Phạm Thị Diễm (07039)
225	252BUS41714	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	3	15h10	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)
226	252BUS41715	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	4	15h10	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)
227	252BUS41716	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	6	15h10	28/07/2026	BPH108	Hồ Quốc Đức (60968)
228	252BUS41717	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	4	15h10	28/07/2026	BPH108	Hồ Quốc Đức (60968)
229	252BUS41718	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH108	Hồ Quốc Đức (60968)
230	252BUS41720	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	3	15h10	28/07/2026	BPH108	Hồ Quốc Đức (60968)
231	252BUS41721	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	5	15h10	28/07/2026	BPH108	Hồ Quốc Đức (60968)
232	252BUS41722	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH108	Lâm Minh Trung (61544)
233	252BUS41723	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH108	Lâm Minh Trung (61544)
234	252BUS41725	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH108	Lâm Minh Trung (61544)
235	252INT41601	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	12	08h00	20/07/2026	BPH012	Hồ Văn Ngọc (01028)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
236	252INT41602	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	2	08h00	20/07/2026	BPH012	Hồ Văn Ngọc (01028)
237	252INT41603	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	2	08h00	20/07/2026	BPH012	Hồ Văn Ngọc (01028)
238	252INT41604	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	10	08h00	20/07/2026	BPH012	Hồ Văn Ngọc (01028)
239	252INT41605	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	3	08h00	20/07/2026	BPH012	Trần Trung Tín (61258)
240	252INT440301	Hệ điều hành Linux	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	09h40	27/07/2026	BPH010	Hồ Văn Ngọc (01028)
241	252INT440304	Hệ điều hành Linux	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	09h40	27/07/2026	BPH010	Hồ Văn Ngọc (01028)
242	252INT440307	Hệ điều hành Linux	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	6	09h40	27/07/2026	BPH010	Hồ Văn Ngọc (01028)
243	252INT440310	Hệ điều hành Linux	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	09h40	27/07/2026	BPH010	Hồ Văn Ngọc (01028)
244	243INT440803	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	1	13h30	28/07/2026	BPH011	Dương Thái Bảo (60940)
245	252LOG41601	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	2	08h00	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Thái Bình (61546)
246	252LOG41602	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	08h00	30/07/2026	BPH011	Phạm Cao Văn (61541)
247	252LOG41603	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	2	08h00	30/07/2026	BPH011	Phạm Cao Văn (61541)
248	252LOG41605	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	08h00	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Thái Bình (61546)
249	252GRA41804	Hình họa	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Công nghệ thông tin	Bài tập lớn	1		31/07/2026		Trần Quốc Toán (60754)
250	252ENG34103	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	4	08h00	20/07/2026	BPH011	Nguyễn Thanh Hải (60704)
251	252ENG34105	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	5	08h00	20/07/2026	BPH011	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
252	252ENG34109	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	5	08h00	20/07/2026	BPH011	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
253	252ENG34111	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	8	08h00	20/07/2026	BPH011	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)
254	252ENG34113	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	3	08h00	20/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Tấn (25151)
255	252ENG34115	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	1	08h00	20/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Tấn (25151)
256	252ENG34119	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	1	08h00	20/07/2026	BPH011	Nguyễn Thanh Hải (60704)
257	252ENG34121	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	1	08h00	20/07/2026	BPH011	Nguyễn Thanh Hải (60704)
258	252ART37301	Hòa âm 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH011	Đặng Thanh Liêm (26016)
259	252NAS20501	Hóa học đại cương	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH010	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
260	252NAS20503	Hóa học đại cương	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH010	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)
261	252FOT31701	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	4	08h00	23/07/2026	BMT002	Lâm Đức Cường (60226)
262	252TRA41502	Hoạt não	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Vấn đáp	1	13h30	22/07/2026	DPH015	Tạ Đức Thụy (61530)
263	252SOS30401	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	3	09h40	28/07/2026	BPH008	Phan Thị Hải Yến (60888)
264	252SOS30402	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	5	09h40	28/07/2026	BPH008	Phan Thị Hải Yến (60888)
265	252SOS30403	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	5	09h40	28/07/2026	BPH008	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
266	252SOS30412	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	3	09h40	28/07/2026	BPH008	Lê Trần Quang Khang (61421)
267	252SOS30413	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	2	09h40	28/07/2026	BPH008	Lê Trần Quang Khang (61421)
268	252SOS30414	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	3	09h40	28/07/2026	BPH008	Lê Trần Quang Khang (61421)
269	252SOS30415	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	1	09h40	28/07/2026	BPH008	Nguyễn Thị Vân (60933)
270	252SOS30416	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	2	09h40	28/07/2026	BPH008	Nguyễn Thị Vân (60933)
271	252SOS30417	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	3	09h40	28/07/2026	BPH008	Trần Hùng Minh Phương (60465)
272	252SOS30418	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	3	09h40	28/07/2026	BPH008	Trần Hùng Minh Phương (60465)
273	252SOS30419	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	1	09h40	28/07/2026	BPH008	Trần Hùng Minh Phương (60465)
274	252SOS30420	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	2	09h40	28/07/2026	BPH008	Trần Hùng Minh Phương (60465)
275	252ACC43801	Kế toán chi phí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	15h10	24/07/2026	BPH012	Vũ Thanh Long (02007), Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
276	252ACC40601	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	08h00	30/07/2026	BPH011	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
277	252ACC40602	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	08h00	30/07/2026	BPH011	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
278	252ACC40606	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	08h00	30/07/2026	BPH011	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
279	252ACC40607	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	08h00	30/07/2026	BPH011	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
280	252ACC42501	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH008	Phan Thị Lan Phương (60519)
281	252ACC42502	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	11	08h00	29/07/2026	BPH008	Phan Thị Lan Phương (60519)
282	252ACC42503	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Thành Long (02038)
283	252ACC42504	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	08h00	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Thành Long (02038)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
284	252ACC42505	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	08h00	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Thành Long (02038)
285	252ACC42506	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Thành Long (02038)
286	252ACC42507	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	08h00	29/07/2026	BPH008	Phan Thị Lan Phương (60519)
287	252ACC42508	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	08h00	29/07/2026	BPH010	Phan Thị Lan Phương (60519)
288	252ACC42510	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	08h00	29/07/2026	BPH010	Phan Thị Lan Phương (60519)
289	252ACC40901	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	13h30	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Đức Hải (06003)
290	252ACC40906	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
291	252ACC40907	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	13h30	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
292	252ACC40908	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH011	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
293	252ACC43501	Kế toán tài chính	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	13h30	24/07/2026	BPH104	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
294	252ACC43503	Kế toán tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	13h30	24/07/2026	BPH104	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
295	252ACC43507	Kế toán tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	13h30	24/07/2026	BPH104	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
296	252ACC43701	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	10	13h30	22/07/2026	BPH007	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
297	252ACC43703	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	13	13h30	22/07/2026	BPH007	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
298	252ACC43705	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	13h30	22/07/2026	BPH007	Vũ Thanh Long (02007)
299	252ACC43601	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	10	15h10	22/07/2026	BPH007	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
300	252ACC43603	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	15h10	22/07/2026	BPH007	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
301	252ACC43605	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	17	15h10	22/07/2026	BPH007	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
302	252ACC43611	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	15h10	22/07/2026	BPH007	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
303	252ACC43101	Kế toán xuất nhập khẩu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	13h30	24/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Ánh Linh (61475)
304	252LOG41902	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	4	13h30	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Thái Bình (61546)
305	252LOG41903	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	3	13h30	30/07/2026	BPH011	Trần Thị Bích Hồng (61323)
306	252LOG41905	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH011	Trần Thị Bích Hồng (61323)
307	252FOT45401	Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	2	15h10	23/07/2026	BMT002	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
308	252ACC44115	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	2		31/07/2026		Nguyễn Tấn Quang (60783)
309	252ACC41201	Kiểm toán căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	09h40	30/07/2026	BPH009	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)
310	252ACC41202	Kiểm toán căn bản	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH009	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)
311	252ACC41204	Kiểm toán căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	30/07/2026	BPH009	Bùi Thị Trúc Quy (61480)
312	252ACC41205	Kiểm toán căn bản	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	09h40	30/07/2026	BPH009	Nguyễn Tấn Quang (60783)
313	252ACC41206	Kiểm toán căn bản	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH009	Nguyễn Tấn Quang (60783)
314	252ACC41301	Kiểm toán nâng cao	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	30/07/2026	BPH009	Tăng Thị Thanh Thủy (61654)
315	252INT30401	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	08h00	23/07/2026	BMT002	Đỗ Đình Trang (01011)
316	252INT30403	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	08h00	23/07/2026	BMT002	Đỗ Đình Trang (01011)
317	252INT30404	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	08h00	23/07/2026	BMT002	Đỗ Đình Trang (01011)
318	252INT30405	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Quang Tấn (60749)
319	252INT30406	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	08h00	23/07/2026	BMT002	Lê Công Hiếu (60834)
320	252INT30409	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Quang Tấn (60749)
321	252INT30412	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	23/07/2026	BMT002	Tổng Minh Đạt (61282)
322	252INT30414	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	08h00	23/07/2026	BMT002	Tổng Minh Đạt (61282)
323	252TRA41601	Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Du lịch_ TDLSK	Tự luận 90	6	09h40	24/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
324	252POL10601	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_ TKD	Trắc nghiệm	9	08h00	21/07/2026	BMT002	Võ Thị Kim Loan (61053)
325	252POL10602	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_ TKD	Trắc nghiệm	1	08h00	21/07/2026	BMT002	Võ Thị Kim Loan (61053)
326	252POL10603	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_ TKD	Trắc nghiệm	4	08h00	21/07/2026	BMT002	Võ Thị Kim Loan (61053)
327	252POL10604	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_ TKD	Trắc nghiệm	3	08h00	21/07/2026	BMT002	Võ Thị Kim Loan (61053)
328	252POL10605	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_ TKD	Trắc nghiệm	9	08h00	21/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
329	252POL10606	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_ TKD	Trắc nghiệm	3	08h00	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
330	252POL10607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_ TKD	Trắc nghiệm	6	08h00	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
331	252POL10608	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_ TKD	Trắc nghiệm	5	08h00	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
332	252POL10610	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	7	08h00	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
333	252POL10611	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	11	08h00	21/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
334	252POL10612	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	9	08h00	21/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
335	252POL10613	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	08h00	21/07/2026	DMT018	Hồ Ngọc Khương (60311)
336	252POL10614	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	08h00	21/07/2026	DMT018	Hồ Ngọc Khương (60311)
337	252POL10615	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	08h00	21/07/2026	DMT019	Hồ Ngọc Khương (60311)
338	252POL10616	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	08h00	20/07/2026	BMT002	Hồ Ngọc Khương (60311)
339	252POL10617	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	5	08h00	20/07/2026	BMT002	Hồ Ngọc Khương (60311)
340	252POL10618	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	1	08h00	21/07/2026	DMT019	Hồ Ngọc Khương (60311)
341	252POL10619	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	08h00	21/07/2026	DMT019	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
342	252POL10620	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	08h00	21/07/2026	DMT019	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
343	252POL10621	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	11	08h00	21/07/2026	DMT019	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
344	252POL10622	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	08h00	20/07/2026	BMT002	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
345	252POL10623	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	08h00	20/07/2026	BMT002	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
346	252POL10624	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	08h00	20/07/2026	BMT002	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
347	252POL10625	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	2	08h00	20/07/2026	BMT002	Đoàn Xuân Toàn (60808)
348	252POL10626	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	1	08h00	20/07/2026	BMT004	Đoàn Xuân Toàn (60808)
349	252POL10627	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	2	08h00	20/07/2026	BMT004	Đoàn Xuân Toàn (60808)
350	252POL10628	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	5	08h00	20/07/2026	BMT004	Đoàn Xuân Toàn (60808)
351	252POL10629	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	1	08h00	20/07/2026	BMT004	Đoàn Xuân Toàn (60808)
352	252POL10630	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	2	08h00	20/07/2026	BMT004	Đoàn Xuân Toàn (60808)
353	252POL10631	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	08h00	20/07/2026	BMT004	Đoàn Xuân Toàn (60808)
354	252POL10633	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	7	09h40	21/07/2026	BMT002	Tô Thanh My (60497)
355	252POL10634	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	09h40	21/07/2026	BMT002	Tô Thanh My (60497)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
356	252POL10635	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	8	09h40	21/07/2026	BMT002	Nguyễn Thúy Duy (60770)
357	252POL10636	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	09h40	21/07/2026	BMT002	Nguyễn Thúy Duy (60770)
358	252POL10637	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	09h40	21/07/2026	BMT002	Nguyễn Thúy Duy (60770)
359	252POL10638	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	09h40	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thúy Duy (60770)
360	252POL10639	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	09h40	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thúy Duy (60770)
361	252POL10640	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	7	09h40	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thúy Duy (60770)
362	252POL10641	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	5	09h40	21/07/2026	BMT004	Phạm Việt Em (61045)
363	252POL10642	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	8	09h40	21/07/2026	BMT004	Phạm Việt Em (61045)
364	252POL10643	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	8	09h40	21/07/2026	DMT018	Phạm Việt Em (61045)
365	252POL10644	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	10	09h40	21/07/2026	DMT018	Trần Thị Huyền Trang (60786)
366	252POL10645	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	09h40	21/07/2026	DMT018	Trần Thị Huyền Trang (60786)
367	252POL10646	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	10	09h40	21/07/2026	DMT018	Trần Thị Huyền Trang (60786)
368	252POL10647	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	7	09h40	21/07/2026	DMT019	Trần Thị Huyền Trang (60786)
369	252POL10648	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	5	09h40	21/07/2026	DMT019	Trần Thị Huyền Trang (60786)
370	252POL10649	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	09h40	21/07/2026	DMT019	Trần Thị Huyền Trang (60786)
371	252POL10650	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	09h40	21/07/2026	DMT019	Trần Thị Huyền Trang (60786)
372	252HOS41604	Kinh tế du lịch khách sạn	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	4	09h40	24/07/2026	BPH011	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)
373	252ECO20101	Kinh tế học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	09h40	24/07/2026	BPH011	Hồ Cao Việt (02035)
374	252ECO20107	Kinh tế học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	09h40	24/07/2026	BPH011	Nguyễn Tuấn Việt (61554)
375	252ECO30201	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	10	09h40	27/07/2026	BPH102	Hoàng Sơn Tùng (60359)
376	252ECO30204	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	12	09h40	27/07/2026	BPH102	Hoàng Sơn Tùng (60359)
377	252ECO30205	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	7	09h40	27/07/2026	BPH102	Vô Thái Hiệp (61444)
378	252ECO30206	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	09h40	27/07/2026	BPH102	Vô Thái Hiệp (61444)
379	252ECO30207	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	7	09h40	27/07/2026	BPH103	Vô Thái Hiệp (61444)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
380	252ECO30208	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	8	09h40	27/07/2026	BPH103	Vô Thái Hiệp (61444)
381	252ECO30209	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	09h40	27/07/2026	BPH103	Tô Thị Kim Hồng (02085)
382	252ECO30210	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	09h40	27/07/2026	BPH103	Tô Thị Kim Hồng (02085)
383	252ECO30213	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	09h40	27/07/2026	BPH103	Huỳnh Đạt Hùng (61212)
384	252ECO30214	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	6	09h40	27/07/2026	BPH103	Huỳnh Đạt Hùng (61212)
385	252ECO30215	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	09h40	27/07/2026	BPH103	Huỳnh Đạt Hùng (61212)
386	252ECO30216	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	10	09h40	27/07/2026	BPH103	Huỳnh Đạt Hùng (61212)
387	252ECO30217	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	09h40	27/07/2026	BPH105	Đoàn Việt Hùng (61195)
388	252ECO30218	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	10	09h40	27/07/2026	BPH105	Đoàn Việt Hùng (61195)
389	252ECO30221	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	7	09h40	27/07/2026	BPH105	Trần Quốc Khánh Cường (61176)
390	252ECO30222	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	09h40	27/07/2026	BPH105	Trần Quốc Khánh Cường (61176)
391	252ECO30223	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	09h40	27/07/2026	BPH105	Trần Quốc Khánh Cường (61176)
392	252ECO30224	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	6	09h40	27/07/2026	BPH105	Trần Quốc Khánh Cường (61176)
393	252ECO30301	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)
394	252ECO30302	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	8	15h10	23/07/2026	BPH108	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)
395	252ECO30303	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	23/07/2026	BPH108	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)
396	252ECO30307	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	23/07/2026	BPH108	Đinh Nguyệt Bích (02147)
397	252ECO30308	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Đinh Nguyệt Bích (02147)
398	252ECO30309	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Đinh Nguyệt Bích (02147)
399	252ECO30310	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Đinh Nguyệt Bích (02147)
400	252ECO30311	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Đinh Nguyệt Bích (02147)
401	252ECO30312	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Đinh Nguyệt Bích (02147)
402	252ECO30313	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Đinh Nguyệt Bích (02147)
403	252ECO30314	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	23/07/2026	BPH108	Đinh Nguyệt Bích (02147)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
404	252ECO30315	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Dương Thế Duy (61062)
405	252ECO30316	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Dương Thế Duy (61062)
406	252ECO30317	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	23/07/2026	BPH108	Dương Thế Duy (61062)
407	252ECO30318	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	23/07/2026	BPH108	Dương Thế Duy (61062)
408	252ECO30319	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	23/07/2026	BPH108	Dương Thế Duy (61062)
409	252ECO30320	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	23/07/2026	BPH108	Dương Thế Duy (61062)
410	252ECO30321	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	09h40	22/07/2026	BPH102	Dương Thế Duy (61062)
411	252ECO30322	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	09h40	22/07/2026	BPH102	Đoàn Thị Vân (27003)
412	252ECO30323	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	09h40	22/07/2026	BPH102	Đoàn Thị Vân (27003)
413	252ECO30324	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	09h40	22/07/2026	BPH102	Đoàn Thị Vân (27003)
414	252ECO30325	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	09h40	22/07/2026	BPH102	Đoàn Thị Vân (27003)
415	252ECO30327	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	09h40	22/07/2026	BPH102	Võ Tấn Liêm (60142)
416	252ECO30328	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	09h40	22/07/2026	BPH102	Phạm Tiến Thành (61556)
417	252ECO30329	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	09h40	22/07/2026	BPH102	Phạm Tiến Thành (61556)
418	252ECO30330	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	09h40	22/07/2026	BPH102	Phạm Tiến Thành (61556)
419	252ECO30333	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	09h40	22/07/2026	BPH102	Nguyễn Phương Nam (61627)
420	252ECO30338	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	09h40	22/07/2026	BPH102	Bùi Thị Mai Phương (61629)
421	252ECO30339	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	09h40	22/07/2026	BPH102	Bùi Thị Mai Phương (61629)
422	252ECO30340	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	08h00	23/07/2026	BPH110	Lữ Xuân Trang (61628)
423	252ECO30341	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	08h00	23/07/2026	BPH110	Lữ Xuân Trang (61628)
424	252ECO30342	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	08h00	23/07/2026	BPH110	Lữ Xuân Trang (61628)
425	252ECO30343	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	08h00	23/07/2026	BPH110	Lữ Xuân Trang (61628)
426	252ECO30344	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	08h00	23/07/2026	BPH110	Nguyễn Phúc Khánh (61591)
427	252ECO30345	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	08h00	23/07/2026	BPH110	Nguyễn Phúc Khánh (61591)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
428	252ECO30346	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	08h00	23/07/2026	BPH110	Nguyễn Thanh Nhân (61664)
429	252ECO30347	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	08h00	23/07/2026	BPH110	Nguyễn Thanh Nhân (61664)
430	252ECO30348	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	08h00	23/07/2026	BPH110	Võ Hoàng Bắc (02136)
431	252ECO30349	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	08h00	23/07/2026	BPH110	Nguyễn Việt Thắng (60778)
432	252ECO30351	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	08h00	23/07/2026	BPH110	Võ Hoàng Bắc (02136)
433	252ECO30352	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	11	08h00	23/07/2026	BPH110	Nguyễn Việt Thắng (60778)
434	252ECO30401	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	10	15h10	24/07/2026	BPH007	Hồ Cao Việt (02035)
435	252ECO30402	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	24/07/2026	BPH007	Hồ Cao Việt (02035)
436	252ECO30403	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	15h10	24/07/2026	BPH007	Hồ Cao Việt (02035)
437	252ECO30404	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH007	Nguyễn Thái Dung (60530)
438	252ECO30405	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	24/07/2026	BPH007	Nguyễn Thái Dung (60530)
439	252ECO30406	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	24/07/2026	BPH007	Nguyễn Thái Dung (60530)
440	252ECO30407	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	24/07/2026	BPH007	Nguyễn Thái Dung (60530)
441	252ECO30408	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH007	Nguyễn Thái Dung (60530)
442	252ECO30409	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	24/07/2026	BPH007	Nguyễn Thái Dung (60530)
443	252ECO30410	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH008	Nguyễn Thái Dung (60530)
444	252ECO30411	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	7	15h10	24/07/2026	BPH008	Nguyễn Thái Dung (60530)
445	252ECO30412	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	6	15h10	24/07/2026	BPH008	Nguyễn Thái Dung (60530)
446	252ECO30413	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	24/07/2026	BPH008	Nguyễn Thái Dung (60530)
447	252ECO30414	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	24/07/2026	BPH008	Nguyễn Thái Dung (60530)
448	252ECO30415	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	24/07/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
449	252ECO30416	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	24/07/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
450	252ECO30419	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
451	252ECO30420	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH008	Lê Thành Trung (61620)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
452	252ECO30421	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	24/07/2026	BPH008	Lê Thành Trung (61620)
453	252ECO30423	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH008	Lê Thành Trung (61620)
454	252ECO30426	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	6	15h10	24/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)
455	252ECO30427	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)
456	252ECO30428	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)
457	252ECO30429	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	15h10	24/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)
458	252ECO30430	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	6	15h10	24/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)
459	252ECO30432	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	15h10	24/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)
460	252ECO30433	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)
461	252ECO30434	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)
462	252ECO30435	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)
463	252ECO30436	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	1	15h10	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)
464	252ECO30437	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)
465	252ECO30438	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)
466	252ECO30439	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)
467	252SOS10101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	12	09h40	29/07/2026	BPH109	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
468	252SOS10102	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	20	09h40	29/07/2026	BPH109	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
469	252SOS10103	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	6	09h40	29/07/2026	BPH109	Phạm Thu Phương (25049)
470	252SOS10104	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	4	09h40	29/07/2026	BPH110	Phạm Thu Phương (25049)
471	252SOS10105	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH110	Phạm Thu Phương (25049)
472	252SOS10109	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	8	09h40	29/07/2026	BPH110	Phạm Thu Phương (25049)
473	252SOS10110	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	8	09h40	29/07/2026	BPH110	Phạm Thu Phương (25049)
474	252SOS10111	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	7	09h40	29/07/2026	BPH110	Phạm Thu Phương (25049)
475	252SOS10116	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH110	Lê Thị Nam Phương (60436)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
476	252SOS10121	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	2	09h40	29/07/2026	BPH110	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
477	252SOS10122	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	2	09h40	29/07/2026	BPH110	Phan Thị Hải Yến (60888)
478	252LAW41701	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	08h00	28/07/2026	BPH008	Tạ Thúc Hoàng (61294)
479	252LAW41702	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	08h00	28/07/2026	BPH008	Tạ Thúc Hoàng (61294)
480	252LAW41703	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	08h00	28/07/2026	BPH008	Tạ Thúc Hoàng (61294)
481	252LAW41704	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	08h00	28/07/2026	BPH008	Võ Thị Bích Nhung (61360)
482	252ICHI32501	Kỹ năng đọc 2	3.00	Đại học	Liên kết Quốc tế	Viện Đào tạo Quốc tế	Tổng hợp	1	08h00	30/07/2026	BPH009	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
483	252SKL20208	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
484	252SKL20209	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
485	252SKL20212	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
486	252SKL20215	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)
487	252CHI33101	Kỹ năng nghe - nói 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	23/07/2026	DPH015	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
488	252ICHI32801	Kỹ năng Nghe 2	3.00	Đại học	Liên kết Quốc tế	Viện Đào tạo Quốc tế	Trắc nghiệm	1	09h40	24/07/2026	BPH010	Lê Thị Thanh Thảo (61646)
489	252ICHI42801	Kỹ năng Nói 2	3.00	Đại học	Liên kết Quốc tế	Viện Đào tạo Quốc tế	Vấn đáp	2	13h30	20/07/2026	DPH015	Ngô Thị Minh Thùy (61172)
490	252VIE20107	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Hồ Văn Quốc (04129)
491	252VIE20112	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Hồ Văn Quốc (04129)
492	252VIE20116	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	2		31/07/2026		Trương Thị Thúy Hằng (04041)
493	252VIE20125	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Thị Thúy Hằng (60906)
494	252LAW41801	Kỹ năng tư vấn luật thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	09h40	24/07/2026	BPH011	Trần Tấn Hùng (61680)
495	252LAW50602	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	08h00	29/07/2026	BPH010	Võ Thị Hồng Vy (61267)
496	252LAW50604	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH010	Võ Thị Hồng Vy (61267)
497	252ICHI42501	Kỹ năng Viết 2	3.00	Đại học	Liên kết Quốc tế	Viện Đào tạo Quốc tế	Tổng hợp	4	13h30	30/07/2026	BPH010	Phan Thành Nhật (60751)
498	252ELE44501	Kỹ thuật lập trình cho hệ thống nhúng	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	3	08h00	29/07/2026	BPH011	Đàm Quốc Việt (60992)
499	252CHI35102	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	08h00	27/07/2026	BPH010	Hoàng Văn Cường (25128)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
500	252CHI35103	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	27/07/2026	BPH010	Hoàng Văn Cường (25128)
501	252CHI35104	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	27/07/2026	BPH010	Hoàng Văn Cường (25128)
502	252CHI35106	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	4	08h00	27/07/2026	BPH010	Hoàng Văn Cường (25128)
503	252FOT31601	Kỹ thuật thực phẩm 2	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH010	Nguyễn Bùi Hữu Tuấn (61521)
504	252ART37201	Kỹ xướng âm 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Thực hành	2		30/07/2026		Hồ Duy Trường (60188)
505	252INT32401	Lập trình C++	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	14	13h30	22/07/2026	BPH008	Quách Anh Dũng (01014)
506	252INT32404	Lập trình C++	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	10	13h30	22/07/2026	BPH008	Quách Anh Dũng (01014)
507	252INT32410	Lập trình C++	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	13h30	22/07/2026	BPH008	Đỗ Đình Trang (01011)
508	252INT32413	Lập trình C++	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	13h30	22/07/2026	BPH008	Đỗ Đình Trang (01011)
509	252INT32416	Lập trình C++	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	13h30	22/07/2026	BPH008	Đỗ Đình Trang (01011)
510	252INT32419	Lập trình C++	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	13h30	22/07/2026	BPH008	Đỗ Đình Trang (01011)
511	252INT440401	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	11	15h10	20/07/2026	BPH009	Đỗ Đình Trang (01011)
512	252INT440404	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	9	15h10	20/07/2026	BPH009	Đỗ Đình Trang (01011)
513	252INT440601	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	6	09h40	22/07/2026	DMT018	Lê Thanh Phong (60650)
514	252INT32201	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	11	09h40	28/07/2026	BPH011	Đặng Ngọc Thơm (61158)
515	252INT32204	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	15	09h40	28/07/2026	BPH011	Đặng Văn Lực (60719)
516	252INT32207	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	09h40	28/07/2026	BPH012	Đặng Văn Lực (60719)
517	252INT32210	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	10	09h40	28/07/2026	BPH012	Đặng Văn Lực (60719)
518	252INT32213	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	09h40	28/07/2026	BPH012	Đặng Văn Lực (60719)
519	252INT32216	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	9	09h40	28/07/2026	BPH012	Dương Quang Triết (60165)
520	252INT32219	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	16	09h40	28/07/2026	BPH102	Tô Hồ Hải (60893)
521	252INT32222	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	13	09h40	28/07/2026	BPH102	Tô Hồ Hải (60893)
522	252INT32225	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	09h40	28/07/2026	BPH103	Dương Thái Bảo (60940)
523	252INT32228	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	27	09h40	28/07/2026	BPH103	Dương Thái Bảo (60940)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
524	252INT32231	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	7	09h40	28/07/2026	BPH104	Tạ Chí Qui Nhơn (60556)
525	252INT32234	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	09h40	28/07/2026	BPH104	Tạ Chí Qui Nhơn (60556)
526	252INT486104	Lập trình mạng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	2		31/07/2026		Cao Hoàng Khải (61279)
527	252HOS30101	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	15h10	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
528	252HOS30102	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	1	15h10	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
529	252HOS30104	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	15h10	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
530	252HOS30105	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	15h10	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
531	252HOS30106	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	6	15h10	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
532	252HOS30107	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	3	15h10	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
533	252HOS30108	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	3	15h10	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
534	252ART22801	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Tự luận 60	1	15h10	20/07/2026	BPH010	Đặng Thanh Liêm (26016)
535	252POL10801	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	15h10	22/07/2026	DMT019	Trịnh Văn Vinh (61018)
536	252POL10802	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	23/07/2026	BMT004	Vũ Thị Hằng (61369)
537	252POL10803	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	13h30	23/07/2026	BMT004	Trịnh Văn Vinh (61018)
538	252POL10804	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	13h30	23/07/2026	BMT004	Trịnh Văn Vinh (61018)
539	252POL10805	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	13h30	23/07/2026	BMT004	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)
540	252POL10806	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	13h30	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
541	252POL10807	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
542	252POL10808	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
543	252POL10819	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	23/07/2026	DMT018	Ngô Thị Hân (61218)
544	252POL10820	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	13h30	23/07/2026	DMT018	Ngô Thị Hân (61218)
545	252POL10823	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	8	13h30	23/07/2026	DMT018	Phạm Thị Hồng Nhung (61638)
546	252POL10826	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	13h30	23/07/2026	DMT018	Đặng Thị Minh Phượng (61050)
547	252POL10827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	13h30	23/07/2026	DMT019	Phạm Thị Hồng Nhung (61638)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
548	252POL10828	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	9	13h30	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Minh Quân (61003)
549	252POL10829	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	6	13h30	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Minh Quân (61003)
550	252POL10830	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	6	13h30	23/07/2026	DMT019	Nguyễn Minh Quân (61003)
551	252POL10832	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	3	13h30	23/07/2026	DMT019	Ngô Thị Hân (61218)
552	252POL10838	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	4	13h30	23/07/2026	DMT019	Trần Đình Ánh (60931)
553	252POL10840	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	2	13h30	23/07/2026	DMT019	Trần Đình Ánh (60931)
554	252POL10842	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	4	15h10	23/07/2026	DMT018	Trần Đình Ánh (60931)
555	252POL10844	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	6	15h10	23/07/2026	DMT018	Ngô Thị Hân (61218)
556	252POL10845	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	9	15h10	23/07/2026	DMT018	Ngô Thị Hân (61218)
557	252POL10846	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	3	15h10	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Trọng Minh (61550)
558	252POL10847	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	5	15h10	23/07/2026	DMT018	Nguyễn Trọng Minh (61550)
559	252POL10848	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	3	15h10	23/07/2026	DMT018	Trần Cường (60955)
560	252POL10850	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	1	15h10	23/07/2026	DMT018	Vô Thị Hồng Hiếu (61005)
561	252POL10851	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	3	15h10	23/07/2026	DMT018	Vô Thị Hồng Hiếu (61005)
562	252POL10852	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	4	15h10	23/07/2026	DMT018	Vũ Thị Hằng (61369)
563	252POL10853	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	DMT019	Vũ Thị Hằng (61369)
564	252POL10854	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Trắc nghiệm	6	15h10	22/07/2026	DMT019	Vũ Thị Hằng (61369)
565	252CTE30602	Lịch sử điện ảnh, truyền hình	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Báo cáo	1		31/07/2026		Lê Hữu Phước Thành (61515)
566	252SOS30105	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_ TNVKHXXH	Tự luận 60	1	15h10	20/07/2026	BPH010	Phạm Quốc Hưng (05002)
567	252SOS30106	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_ TNVKHXXH	Tự luận 60	3	15h10	20/07/2026	BPH010	Phạm Quốc Hưng (05002)
568	252SOS30107	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_ TNVKHXXH	Tự luận 60	6	15h10	20/07/2026	BPH010	Nguyễn Trọng Minh (61550)
569	252SOC30201	Lịch sử xã hội học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Tự luận 90	3	15h10	20/07/2026	BPH009	Hà Thúc Dũng (04103)
570	252SOC30202	Lịch sử xã hội học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Tự luận 90	5	15h10	20/07/2026	BPH009	Hà Thúc Dũng (04103)
571	252ELE32601	Lĩnh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_ TKT	Tự luận 60	4	08h00	22/07/2026	BPH008	Phan Văn Hiệp (01040)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
572	252ELE32604	Linh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	1	08h00	22/07/2026	BPH008	Đinh Thị Khả Hân (60974)
573	252ELE32607	Linh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	4	08h00	22/07/2026	BPH008	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)
574	252ELE32613	Linh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	4	08h00	22/07/2026	BPH008	Phan Văn Hiệp (01040)
575	252ELE32616	Linh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	5	08h00	22/07/2026	BPH008	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)
576	252ELE32619	Linh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	3	08h00	22/07/2026	BPH008	Hồ Quốc Bảo (60932)
577	252ELE32622	Linh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	9	08h00	22/07/2026	BPH008	Hồ Quốc Bảo (60932)
578	252PUR30901	Logic học và tư duy phản biện	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	2	13h30	21/07/2026	BPH010	Nguyễn Kỳ Trung (60199)
579	252PUR30902	Logic học và tư duy phản biện	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	1	13h30	21/07/2026	BPH010	Nguyễn Kỳ Trung (60199)
580	252PUR30903	Logic học và tư duy phản biện	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	4	13h30	21/07/2026	BPH010	Nguyễn Kỳ Trung (60199)
581	252PUR30904	Logic học và tư duy phản biện	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	1	13h30	21/07/2026	BPH010	Nguyễn Kỳ Trung (60199)
582	252CHI45501	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH010	Diệp Tuyết Vân (60342)
583	252CHI45502	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	27/07/2026	BPH010	Diệp Tuyết Vân (60342)
584	252LAW50301	Luật an sinh xã hội	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	3	15h10	20/07/2026	BPH012	Tạ Thúc Hoàng (61294)
585	252LAW50302	Luật an sinh xã hội	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	15h10	20/07/2026	BPH012	Tạ Thúc Hoàng (61294)
586	252LAW50303	Luật an sinh xã hội	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	15h10	20/07/2026	BPH012	Tạ Thúc Hoàng (61294)
587	252LAW30501	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	13h30	30/07/2026	BPH010	Nguyễn Vinh Huy (61359)
588	252LAW43001	Luật dân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH010	Phan Văn Thụy (61353)
589	252LAW42401	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	08h00	29/07/2026	BPH011	Phan Văn Thụy (61353)
590	252LAW41301	Luật đất đai	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH010	Nguyễn Hữu Thành (60341)
591	252LAW41303	Luật đất đai	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	13h30	30/07/2026	BPH010	Nguyễn Hữu Thành (60341)
592	252LAW41304	Luật đất đai	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	30/07/2026	BPH010	Nguyễn Hữu Thành (60341)
593	252LAW41305	Luật đất đai	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	30/07/2026	BPH010	Nguyễn Hữu Thành (60341)
594	252LAW41306	Luật đất đai	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	13h30	30/07/2026	BPH010	Nguyễn Hữu Thành (60341)
595	252LAW40501	Luật doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	08h00	30/07/2026	BPH009	Chu Mạnh Hiền (60357)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
596	252LAW40502	Luật doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	08h00	30/07/2026	BPH009	Chu Mạnh Hiến (60357)
597	252LAW40503	Luật doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	08h00	30/07/2026	BPH009	Võ Đông Hiếu (61486)
598	252LAW40505	Luật doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	08h00	30/07/2026	BPH009	Trịnh Tường Khiêm (60996)
599	252LAW40506	Luật doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	08h00	30/07/2026	BPH009	Nguyễn Viết Tú (60355)
600	252TOU30901	Luật du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	08h00	30/07/2026	BPH009	Trịnh Tường Khiêm (60996)
601	252TOU30903	Luật du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	08h00	30/07/2026	BPH009	Trịnh Tường Khiêm (60996)
602	252TOU30904	Luật du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	08h00	30/07/2026	BPH009	Trịnh Tường Khiêm (60996)
603	252TOU30905	Luật du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	08h00	30/07/2026	BPH009	Trịnh Tường Khiêm (60996)
604	252TOU30906	Luật du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	08h00	30/07/2026	BPH009	Trịnh Tường Khiêm (60996)
605	252LAW40301	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	08h00	20/07/2026	BPH010	Vũ Thị Nga (60542)
606	252LAW40302	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	08h00	20/07/2026	BPH010	Vũ Thị Nga (60542)
607	252LAW40303	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	08h00	20/07/2026	BPH010	Vũ Thị Nga (60542)
608	252LAW40304	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	08h00	20/07/2026	BPH010	Trần Võ Hữu Chánh (61302)
609	252LAW40305	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	08h00	20/07/2026	BPH010	Trần Võ Hữu Chánh (61302)
610	252LAW40306	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	08h00	20/07/2026	BPH010	Trần Võ Hữu Chánh (61302)
611	252LAW30401	Luật hiến pháp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	09h40	30/07/2026	BPH009	Vũ Thị Nga (60542)
612	252LAW30402	Luật hiến pháp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	09h40	30/07/2026	BPH009	Vũ Thị Nga (60542)
613	252LAW40101	Luật hình sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	09h40	27/07/2026	BPH012	Nguyễn Thuận An (60356)
614	252LAW40102	Luật hình sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	09h40	27/07/2026	BPH012	Nguyễn Thuận An (60356)
615	252LAW40103	Luật hình sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	09h40	27/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Cẩm Thu (61110)
616	252LAW40104	Luật hình sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	09h40	27/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Cẩm Thu (61110)
617	252LAW40105	Luật hình sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	09h40	27/07/2026	BPH012	Nguyễn Thuận An (60356)
618	252LAW40106	Luật hình sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	27/07/2026	BPH012	Nguyễn Thuận An (60356)
619	252LAW43201	Luật hôn nhân gia đình	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
620	252LAW41401	Luật hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	21/07/2026	BPH103	Phạm Hoàng Phúc (60806)
621	252LAW41402	Luật hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	15h10	21/07/2026	BPH103	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)
622	252LAW41403	Luật hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	21/07/2026	BPH103	Phạm Hoàng Phúc (60806)
623	252LAW41404	Luật hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	15h10	21/07/2026	BPH103	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)
624	252LAW41405	Luật hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	15h10	21/07/2026	BPH103	Huỳnh Minh (61647)
625	252LAW41406	Luật hợp đồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	14	15h10	21/07/2026	BPH103	Huỳnh Minh (61647)
626	252PSY45001	Luật lao động	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	13h30	30/07/2026	BPH008	Chu Mạnh Hiến (60357)
627	252PSY45002	Luật lao động	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	13h30	30/07/2026	BPH008	Chu Mạnh Hiến (60357)
628	252PSY45003	Luật lao động	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	13h30	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Hữu Thành (60341)
629	252LAW43301	Luật tài sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH011	Lê Nhật Bảo (61365)
630	252LAW42301	Luật thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	9	15h10	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Thuận An (60356)
631	252LAW40901	Luật thương mại điện tử	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH011	Nguyễn Viết Tú (60355)
632	252LAW40902	Luật thương mại điện tử	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	08h00	29/07/2026	BPH011	Trần Kiều Nhi (61019)
633	252LAW40201	Luật tố tụng hình sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	15h10	30/07/2026	BPH008	Trần Hoàng Hải Phong (61051)
634	252LAW43604	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		31/07/2026		Vũ Thị Nga (60542)
635	252CHI44203	Lý thuyết dịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH012	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
636	252CHI44204	Lý thuyết dịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH012	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
637	252CHI44205	Lý thuyết dịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH012	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
638	252CHI44208	Lý thuyết dịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH012	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
639	252FIN30101	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	BMT002	Đào Ngọc Thọ (61017)
640	252FIN30104	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	08h00	24/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Ngọc Quý (61552)
641	252FIN30105	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/07/2026	BMT002	Trần Mạnh Trí (60424)
642	252FIN30106	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/07/2026	BMT002	Trần Mạnh Trí (60424)
643	252FIN30109	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT004	Trần Mạnh Trí (60424)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
644	252FIN30111	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT004	Vô Tiến Lộc (60423)
645	252FIN30112	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT004	Trần Tuấn Anh (60292)
646	252FIN30114	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	20/07/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
647	252FIN30116	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	20/07/2026	BMT004	Vô Tiến Lộc (60423)
648	252FIN30117	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	20/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Ngọc Quý (61552)
649	252FIN30118	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	20/07/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
650	252FIN30119	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
651	252FIN30120	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BMT004	Nguyễn Văn Thầy (61310)
652	252FIN30121	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BMT004	Trương Trung Hiếu (61344)
653	252SOC30303	Lý thuyết xã hội học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	2	09h40	24/07/2026	BPH012	Bùi Thị Phương Hạ (60177)
654	252INT440101	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	17	13h30	24/07/2026	BPH007	Hồ Văn Ngọc (01028)
655	252INT440104	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	12	13h30	24/07/2026	BPH007	Hồ Văn Ngọc (01028)
656	252INT440107	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	13h30	24/07/2026	BPH007	Hồ Văn Ngọc (01028)
657	252INT440110	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	12	13h30	24/07/2026	BPH012	Nguyễn Minh Thi (60151)
658	252INT440113	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	13h30	24/07/2026	BPH012	Nguyễn Minh Thi (60151)
659	252INT440116	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	13h30	24/07/2026	BPH012	Nguyễn Minh Thi (60151)
660	252INT440119	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	7	13h30	24/07/2026	BPH012	Nguyễn Minh Thi (60151)
661	252MAR20104	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)
662	252MAR20120	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)
663	252MAR20121	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)
664	252MAR20127	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Phạm Phương Mai (02011)
665	252MAR20141	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)
666	252MAR20172	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)
667	252MAR20173	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	2		31/07/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
668	252MAR20174	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)
669	252MAR20178	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Phan Quang Vũ (61426)
670	252MAR20179	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Phan Quang Vũ (61426)
671	252MAR20195	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thị Bích Nguyên (61564)
672	252MAR41103	Marketing điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Tôn Thất Hoài (61098)
673	252MAR41118	Marketing điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)
674	252MAR41119	Marketing điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tiểu luận	3		31/07/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)
675	252MAR41602	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	09h40	24/07/2026	BPH012	Trần Lê Ngân Đàm (61454)
676	252NUR41101	Miễn dịch học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	22/07/2026	DMT018	Lê Thị Kim Chi (60403)
677	252NUR41103	Miễn dịch học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	22/07/2026	DMT018	Lê Thị Kim Chi (60403)
678	252NAS10101	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	2		31/07/2026		Võ Đình Thuật (61030)
679	252NAS10107	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	3		31/07/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)
680	252NAS10109	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)
681	252NAS10146	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Tấn Thông (61461)
682	252NAS10147	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		31/07/2026		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)
683	252SOS20603	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	13	15h10	28/07/2026	BPH103	Đoàn Trọng Thiều (04002)
684	252SOS20604	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	8	15h10	28/07/2026	BPH103	Đoàn Trọng Thiều (04002)
685	252SOS20605	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	4	15h10	28/07/2026	BPH103	Đoàn Trọng Thiều (04002)
686	252SOS20606	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	17	15h10	28/07/2026	BPH102	Đoàn Trọng Thiều (04002)
687	252SOS20607	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	7	15h10	28/07/2026	BPH102	Lê Dương Khắc Minh (60387)
688	252SOS20608	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	9	15h10	28/07/2026	BPH102	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)
689	252FRE51101	Nghe - nói nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	21/07/2026	DPH015	Phan Gia Thiên Trúc (61436)
690	252ENG33101	Nghe - nói trong thương mại 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	21/07/2026	DPH015	Nguyễn Đài Trang (61285)
691	252ENG33303	Nghe - nói trong thương mại 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	21/07/2026	DPH015	Lê Công Minh Tuấn (60419)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
692	252HOS40801	Nghiep vụ buồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	2	09h40	24/07/2026	BPH012	Nguyễn Thúy Vy (03119)
693	252HOS40802	Nghiep vụ buồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	3	09h40	24/07/2026	BPH012	Nguyễn Thúy Vy (03119)
694	252FIN44301	Nghiep vụ ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	09h40	20/07/2026	BPH010	Nguyễn Văn Thầy (61310)
695	252FIN44303	Nghiep vụ ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	20/07/2026	BPH010	Nguyễn Quốc Huy (02069)
696	252FIN44305	Nghiep vụ ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	09h40	20/07/2026	BPH010	Nguyễn Văn Thầy (61310)
697	252FIN44313	Nghiep vụ ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	09h40	20/07/2026	BPH010	Nguyễn Quốc Huy (02069)
698	252FIN44315	Nghiep vụ ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BPH010	Huỳnh Thị Thanh Trúc (61309)
699	252FIN44317	Nghiep vụ ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BPH010	Lê Hữu Nghị (61527)
700	252FIN41101	Nghiep vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	09h40	20/07/2026	BPH009	Trần Thị Diễm Nga (60890)
701	252FIN41102	Nghiep vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	09h40	20/07/2026	BPH009	Trần Thị Diễm Nga (60890)
702	252FIN41103	Nghiep vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BPH009	Trần Thị Diễm Nga (60890)
703	252FIN41104	Nghiep vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BPH009	Trần Thị Diễm Nga (60890)
704	252FIN41105	Nghiep vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	09h40	20/07/2026	BPH009	Đặng Thị Thanh Mai (60854)
705	252FIN41106	Nghiep vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	09h40	20/07/2026	BPH009	Đặng Thị Thanh Mai (60854)
706	252HOS41701	Nghiep vụ nhà hàng	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	4	09h40	24/07/2026	BPH012	Lý Liệt Thanh (60747)
707	252HOS41704	Nghiep vụ nhà hàng	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	1	09h40	24/07/2026	BPH012	Lý Liệt Thanh (60747)
708	252HOS41706	Nghiep vụ nhà hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	1	09h40	24/07/2026	BPH012	Tô Hồng Gấm (60506)
709	252HOS41707	Nghiep vụ nhà hàng	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	2	09h40	24/07/2026	BPH012	Tô Hồng Gấm (60506)
710	252HOS40701	Nghiep vụ pha chế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	1	08h00	27/07/2026	BPH010	Lý Liệt Thanh (60747)
711	252HOS40702	Nghiep vụ pha chế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	2	08h00	27/07/2026	BPH010	Lý Liệt Thanh (60747)
712	252HOS40703	Nghiep vụ pha chế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	1	08h00	27/07/2026	BPH010	Lý Liệt Thanh (60747)
713	252HOS40704	Nghiep vụ pha chế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	2	08h00	27/07/2026	BPH010	Lý Liệt Thanh (60747)
714	252HOS40708	Nghiep vụ pha chế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	1	08h00	27/07/2026	BPH010	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)
715	252HOS40710	Nghiep vụ pha chế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	1	08h00	27/07/2026	BPH010	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
716	252PSY42101	Nghệ vụ quản trị nhân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH011	Bùi Anh Thư (61660)
717	252SOS30204	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	1		31/07/2026		Phạm Văn Thòa (61437)
718	252CHI44901	Ngữ âm học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	09h40	30/07/2026	BPH012	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
719	252LIT32601	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Trần Quý (61700)
720	252LIT32603	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_ TNVKHXXH	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Trần Quý (61700)
721	252ACC20201	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	12	15h10	27/07/2026	BPH105	Trần Thị Thu Thương (61304)
722	252ACC20202	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	15h10	27/07/2026	BPH105	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
723	252ACC20203	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	15h10	27/07/2026	BPH105	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
724	252ACC20204	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	15h10	27/07/2026	BPH104	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
725	252ACC20205	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	15h10	27/07/2026	BPH104	Nguyễn Đức Hải (06003)
726	252ACC20206	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	15h10	27/07/2026	BPH104	Dương Thị Huyền Trân (60698)
727	252ACC20207	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	11	15h10	27/07/2026	BPH104	Dương Thị Huyền Trân (60698)
728	252ACC20208	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	12	15h10	27/07/2026	BPH107	Dương Thị Huyền Trân (60698)
729	252ACC20209	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	15h10	27/07/2026	BPH107	Nguyễn Thị Nhật Linh (61553)
730	252ACC20210	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	27/07/2026	BPH107	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
731	252ACC20211	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	15h10	27/07/2026	BPH107	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
732	252ACC20212	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	15h10	27/07/2026	BPH107	Võ Tấn Liêm (60142)
733	252ACC20213	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	15h10	27/07/2026	BPH108	Võ Tấn Liêm (60142)
734	252ACC20214	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	11	15h10	27/07/2026	BPH108	Võ Tấn Liêm (60142)
735	252ACC20215	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	10	15h10	27/07/2026	BPH108	Dương Thị Huyền Trân (60698)
736	252ACC20216	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	15h10	27/07/2026	BPH108	Dương Thị Huyền Trân (60698)
737	252ACC20217	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	15h10	27/07/2026	BPH109	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
738	252ACC20218	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	15h10	27/07/2026	BPH109	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
739	252ACC20219	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	15h10	27/07/2026	BPH109	Phan Thị Trà Mỹ (02139)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
740	252ACC20220	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	15h10	27/07/2026	BPH109	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
741	252ACC20221	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	15h10	27/07/2026	BPH109	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
742	252PUR31012	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Hồ Xuân Mai (04110)
743	252HOS41802	Nhượng quyền thương mại	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)
744	252LAW10101	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	08h00	24/07/2026	DMT019	Bùi Thanh Vũ (60848)
745	252LAW10102	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	08h00	24/07/2026	DMT019	Bùi Thanh Vũ (60848)
746	252LAW10104	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	DMT019	Lý Văn Toán (60804)
747	252LAW10105	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	08h00	24/07/2026	DMT019	Cao Thành Đạt (61295)
748	252LAW10106	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	08h00	24/07/2026	DMT019	Bùi Thanh Vũ (60848)
749	252LAW10107	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	08h00	24/07/2026	DMT019	Cao Thành Đạt (61295)
750	252LAW10108	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	DMT019	Nguyễn Vương Quốc (61322)
751	252LAW10109	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	08h00	24/07/2026	DMT019	Bùi Thanh Vũ (60848)
752	252LAW10110	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/07/2026	DMT019	Nguyễn Vương Quốc (61322)
753	252LAW50501	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	15h10	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Đình Luân (61503)
754	252LAW50503	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	15h10	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Đình Luân (61503)
755	252LAW42201	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	09h40	29/07/2026	BPH012	Đỗ Trọng Hiền (60545)
756	252LAW40601	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	09h40	29/07/2026	BPH012	Phạm Hoàng Phúc (60806)
757	252LAW41201	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH105	Nguyễn Lê Thành Minh (60684)
758	252LAW41202	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH105	Nguyễn Lê Thành Minh (60684)
759	252LAW41203	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	15h10	24/07/2026	BPH105	Nguyễn Lê Thành Minh (60684)
760	252LAW41204	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	15h10	24/07/2026	BPH105	Nguyễn Lê Thành Minh (60684)
761	252LAW41205	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH105	Phạm Hoàng Phúc (60806)
762	252LAW41206	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	24/07/2026	BPH105	Phạm Hoàng Phúc (60806)
763	252LAW50401	Pháp luật về thi hành án	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	13h30	24/07/2026	BPH008	Lê Vũ Minh Thuận (60869)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
764	252LAW50402	Pháp luật về thi hành án	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	13h30	24/07/2026	BPH008	Lê Vũ Minh Thuận (60869)
765	252LAW50403	Pháp luật về thi hành án	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	13h30	24/07/2026	BPH008	Lê Vũ Minh Thuận (60869)
766	252LAW43401	Pháp luật về thừa kế	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	08h00	20/07/2026	BPH008	Lê Nhật Bảo (61365)
767	252PUR42101	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	5	15h10	27/07/2026	BPH009	Trần Thanh Hà (61284)
768	252PUR42102	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	3	15h10	27/07/2026	BPH009	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
769	252PUR42103	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	6	15h10	27/07/2026	BPH009	Trần Thanh Hà (61284)
770	252PUR42111	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	15h10	27/07/2026	BPH009	Lê Trung Hậu (61488)
771	252PUR42112	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	15h10	27/07/2026	BPH009	Lê Trung Hậu (61488)
772	252PUR42113	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	15h10	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
773	252PUR42114	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	15h10	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
774	252PUR42116	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	15h10	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
775	252PUR42117	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	15h10	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
776	252PUR42118	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	15h10	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
777	252PUR42119	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	15h10	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
778	252PUR42120	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	15h10	27/07/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
779	252ENG41902	Phát âm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	13h30	21/07/2026	DPH015	Võ Huyền Trinh (61247)
780	252ENG41903	Phát âm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	21/07/2026	DPH015	Võ Huyền Trinh (61247)
781	252ENG41906	Phát âm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	13h30	21/07/2026	DPH015	Đào Thị Trường Xuân (60919)
782	252TOU30201	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	7	13h30	21/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thúy ngân (61399)
783	252TOU30203	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	5	13h30	21/07/2026	BPH010	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
784	252TOU30204	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	13	13h30	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
785	252TOU30205	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	1	13h30	21/07/2026	BPH009	Trịnh Minh Chánh (61599)
786	252TOU30206	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	6	13h30	21/07/2026	BPH009	Trịnh Minh Chánh (61599)
787	252TOU30207	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	3	13h30	21/07/2026	BPH009	Trịnh Minh Chánh (61599)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
788	252ENG40703	Phiên dịch nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	13h30	22/07/2026	DPH015	Đỗ Huy Liêm (61435)
789	252JAP43501	Phiên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	14	08h00	24/07/2026	DPH015	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
790	252TRA40601	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	1	15h10	24/07/2026	BPH105	Vũ Thị Thu Hương (03112)
791	252TRA40602	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	5	15h10	24/07/2026	BPH105	Vũ Thị Thu Hương (03112)
792	252TRA40603	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	5	15h10	24/07/2026	BPH105	Vũ Thị Thu Hương (03112)
793	252SKL10103	Phương pháp học đại học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Ngọc Phương (60795)
794	252SKL10104	Phương pháp học đại học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Ngọc Phương (60795)
795	252TOU41201	Phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	7	09h40	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Hoài Thân (61600)
796	252TOU41202	Phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	5	09h40	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Hoài Thân (61600)
797	252SOS30301	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Phạm Thị Hồng Thái (04014)
798	252BUS30928	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Thắm Đức Hiếu (61631)
799	252BIO31001	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	2	09h40	28/07/2026	BPH009	Đinh Thị Thủy (02162)
800	252BIO31002	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	3	09h40	28/07/2026	BPH009	Đinh Thị Thủy (02162)
801	252ART44401	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Thanh nhạc)	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Báo cáo	1		31/07/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)
802	252HOS41901	Phương pháp xây dựng khâu phần thực đơn	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	09h40	29/07/2026	BPH010	Võ Đình Thuật (61030)
803	252HOS41902	Phương pháp xây dựng khâu phần thực đơn	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	4	09h40	29/07/2026	BPH010	Võ Đình Thuật (61030)
804	252SOS30501	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH009	Phan Thị Hải Yến (60888)
805	252SOS30502	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH009	Phan Thị Hải Yến (60888)
806	252SOS30503	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
807	252SOS30504	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	3	08h00	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
808	252SOS30505	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
809	252SOS30506	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
810	252SOS30507	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tự luận 90	3	08h00	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
811	252TOU30301	Quản lý chất lượng dịch vụ	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	2	09h40	21/07/2026	BPH012	Tô Hồng Gấm (60506)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
812	252TOU30302	Quản lý chất lượng dịch vụ	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	7	09h40	21/07/2026	BPH012	Tô Hồng Gắm (60506)
813	252TOU30303	Quản lý chất lượng dịch vụ	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	7	09h40	21/07/2026	BPH012	Tô Hồng Gắm (60506)
814	252INT477101	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	08h00	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Ngọc Bích Nga (61097)
815	252MAR30403	Quản lý sáng tạo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)
816	252HOS44101	Quản trị bếp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH009	Võ Đình Thuật (61030)
817	252LOG41701	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	5	09h40	30/07/2026	BPH012	Vũ Ngọc Bích (61328)
818	252LOG41703	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	3	09h40	30/07/2026	BPH012	Vũ Ngọc Bích (61328)
819	252LOG41704	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	3	09h40	30/07/2026	BPH012	Vũ Ngọc Bích (61328)
820	252LOG41705	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH012	Vũ Ngọc Bích (61328)
821	252MAN40909	Quản trị chiến lược	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tiểu luận	4		31/07/2026		Hồ Cao Việt (02035)
822	252HOS42202	Quản trị chiến lược kinh doanh trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	08h00	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thúy Vy (03119)
823	252HOS42204	Quản trị chiến lược kinh doanh trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH012	Lê Quốc Hồng Thi (61517)
824	252SUC40802	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH008	Đặng Thành Luân (61025)
825	252SUC40806	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	5	15h10	30/07/2026	BPH008	Trần Thị Bích Hồng (61323)
826	252SUC40812	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Tiến Dũng (61696)
827	252ECO42301	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Thị Bích Triều (61561)
828	252ECO42304	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	2	13h30	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)
829	252ECO42306	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)
830	252ECO42307	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)
831	252ECO42308	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)
832	242HOS30301	Quản trị dịch vụ buồng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	1	08h00	21/07/2026	BPH009	Trần Thị Thu Khánh (61164)
833	252HOS42301	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí và chăm sóc sức khỏe	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	1	08h00	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
834	252TRA42101	Quản trị điểm đến	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	7	08h00	29/07/2026	BPH012	Võ Sơn Đông (61500)
835	252TRA42102	Quản trị điểm đến	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	3	08h00	29/07/2026	BPH012	Võ Sơn Đông (61500)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
836	252TRA41901	Quản trị du lịch di sản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	6	09h40	21/07/2026	BPH012	Trần Thanh Tuấn (61167)
837	252INT32701	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thanh Truyền (60980)
838	252MAN20116	Quản trị học	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Lê Ngân Đàm (61454)
839	252MAN20136	Quản trị học	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Hoàng Minh (61082)
840	252MAN20166	Quản trị học	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Văn Nguyễn Loan Quỳnh (60788)
841	252SUC40906	Quản trị kênh phân phối	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Huỳnh Duy Bách (61589)
842	252HOS42401	Quản trị Khu du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	3	09h40	20/07/2026	BMT002	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)
843	252TRA44301	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	20	13h30	24/07/2026	BPH008	Nguyễn Văn Hợp (61506)
844	252TRA44302	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	10	13h30	24/07/2026	BPH009	Nguyễn Văn Hợp (61506)
845	252TRA44303	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	17	13h30	24/07/2026	BPH009	Nguyễn Văn Hợp (61506)
846	252TRA44304	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	15	13h30	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Văn Hợp (61506)
847	252TRA44307	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	4	13h30	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Văn Hợp (61506)
848	252LOG40101	Quản trị Logistics	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	15h10	23/07/2026	BPH012	Vũ Ngọc Bích (61328)
849	252LOG40102	Quản trị Logistics	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	3	15h10	23/07/2026	BPH012	Vũ Ngọc Bích (61328)
850	252SUC41001	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH009	Huỳnh Duy Bách (61589)
851	252SUC41002	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tổng hợp	3	09h40	29/07/2026	BPH009	Huỳnh Duy Bách (61589)
852	252SUC41003	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tổng hợp	2	09h40	29/07/2026	BPH009	Huỳnh Duy Bách (61589)
853	252SUC41004	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tổng hợp	2	09h40	29/07/2026	BPH009	Huỳnh Duy Bách (61589)
854	252SUC41006	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tổng hợp	3	09h40	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Đại Hồng Nhung (61570)
855	252SUC41013	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH009	Vương Tấn Đức (61626)
856	252SUC41014	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH009	Vương Tấn Đức (61626)
857	252SUC41015	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH009	Vương Tấn Đức (61626)
858	252FIN41401	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	09h40	29/07/2026	BPH010	Phạm Hoàng Ân (02130)
859	252HOS42501	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	5	08h00	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
860	252HOS42502	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	4	08h00	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)
861	252HOS42505	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	6	08h00	21/07/2026	BPH009	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)
862	252MAN41315	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)
863	252MAN41322	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tiểu luận	2		31/07/2026		Nguyễn Thị Như Nguyệt (60372)
864	252FIN41501	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	9	15h10	20/07/2026	DMT019	Trần Tuấn Anh (60292)
865	252FIN41502	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	17	15h10	20/07/2026	BMT002	Trần Tuấn Anh (60292)
866	252FIN41503	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	13	15h10	20/07/2026	BMT004	Trần Tuấn Anh (60292)
867	252FIN41504	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	15h10	20/07/2026	BMT004	Trần Mạnh Trí (60424)
868	252FIN41505	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	15h10	20/07/2026	DMT019	Đoàn Việt Hùng (61195)
869	252FIN41506	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	15h10	20/07/2026	DMT019	Đoàn Việt Hùng (61195)
870	252FIN41507	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	15h10	20/07/2026	DMT019	Đoàn Việt Hùng (61195)
871	252FIN41508	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	15h10	20/07/2026	BMT002	Đoàn Việt Hùng (61195)
872	252BUS10206	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tiểu luận	2		31/07/2026		Tô Hồng Gắm (60506)
873	252BUS10210	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Thị Bích Hào (61070)
874	252FIN41701	Quản trị tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT002	Phạm Thị Giang Thùy (05010)
875	252SUC41101	Quản trị thu mua	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	2	09h40	29/07/2026	BPH009	Đặng Thành Luân (61025)
876	252SUC41102	Quản trị thu mua	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	3	09h40	29/07/2026	BPH009	Đặng Thành Luân (61025)
877	252SUC41103	Quản trị thu mua	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH009	Đặng Thành Luân (61025)
878	252SUC41104	Quản trị thu mua	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH009	Đặng Thành Luân (61025)
879	252LOG41301	Quản trị xếp dỡ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH009	Vũ Ngọc Bích (61328)
880	252LOG41302	Quản trị xếp dỡ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	1	09h40	29/07/2026	BPH009	Vũ Ngọc Bích (61328)
881	252TRA42401	Quy hoạch du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	3	09h40	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Viết Phan (61602)
882	252TRA42402	Quy hoạch du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	4	09h40	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Viết Phan (61602)
883	252TRA42403	Quy hoạch du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	7	09h40	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Viết Phan (61602)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
884	252TRA42404	Quy hoạch du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	1	09h40	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Việt Phan (61602)
885	252NUR20601	Sinh học và di truyền	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	5	09h40	22/07/2026	DMT019	Trần Thị Huyền (60682)
886	252NUR20602	Sinh học và di truyền	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	22/07/2026	DMT019	Trần Thị Huyền (60682)
887	252NUR20603	Sinh học và di truyền	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	DMT019	Lê Thị Kim Phụng (61538)
888	252NUR20604	Sinh học và di truyền	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	22/07/2026	DMT019	Lê Thị Kim Phụng (61538)
889	252NUR30501	Sinh lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	23/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Kim Xuyến (61481)
890	252NUR30503	Sinh lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	23/07/2026	BMT004	Hà Trần Nhật Linh (61703)
891	252NUR30504	Sinh lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	08h00	23/07/2026	BMT004	Lê Hoàng Thiên (61669)
892	252NUR30505	Sinh lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	23/07/2026	BMT004	Lưu Sanh (60785)
893	252PSY30601	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thị Thương Huyền (04048)
894	252PSY42501	Stress và cách ứng phó	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Vấn đáp	1	08h00	22/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Nhựt Khánh (60733)
895	252PSY42502	Stress và cách ứng phó	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Vấn đáp	3	08h00	22/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Nhựt Khánh (60733)
896	252COE30801	Sức bền vật liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	2	15h10	28/07/2026	BPH012	Dương Ngọc Châu (61542)
897	252FIN41801	Tài chính cá nhân	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	28/07/2026	BPH009	Trương Trung Hiếu (61344)
898	252FIN41802	Tài chính cá nhân	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	28/07/2026	BPH009	Trương Trung Hiếu (61344)
899	252FIN41803	Tài chính cá nhân	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	28/07/2026	BPH009	Lê Hữu Nghị (61527)
900	252FIN41805	Tài chính cá nhân	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	28/07/2026	BPH009	Lê Hữu Nghị (61527)
901	252FIN41806	Tài chính cá nhân	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	28/07/2026	BPH009	Trần Tuấn Anh (60292)
902	252FIN43501	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	27/07/2026	BMT002	Phạm Hoàng Ân (02130)
903	252FIN43502	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	08h00	27/07/2026	BMT002	Phạm Hoàng Ân (02130)
904	252FIN43503	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	10	15h10	23/07/2026	BMT002	Dương Trọng Đoàn (60546)
905	252FIN43504	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	15h10	23/07/2026	BMT002	Dương Trọng Đoàn (60546)
906	252FIN43505	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	15h10	23/07/2026	BMT002	Hà Lâm Oanh (61478)
907	252FIN43507	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	08h00	27/07/2026	BMT002	Bùi Minh Tiết (61029)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
908	252FIN43508	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	27/07/2026	BMT002	Phạm Thị Thái Hòa (61651)
909	252FIN43509	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	08h00	27/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Hồng Nhiên (61652)
910	252FIN43510	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	27/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Hồng Nhiên (61652)
911	252FIN44903	Tài chính hành vi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)
912	252FIN42201	Tài chính quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH108	Nguyễn Thị Anh (60422)
913	252FIN42202	Tài chính quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH108	Nguyễn Thị Anh (60422)
914	252FIN42203	Tài chính quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	13h30	28/07/2026	BPH108	Nguyễn Thị Anh (60422)
915	243PSY42601	Tâm bệnh học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Vũ Kim Hoàn (60779)
916	252TOU30409	Tâm lý du khách	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
917	252TOU30423	Tâm lý du khách	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Ngọc Trinh (03113)
918	252NUR42101	Tâm lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	15h10	23/07/2026	BMT002	Nguyễn Dục Anh (60914)
919	252PSY20101	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	26	08h00	28/07/2026	BPH011	Phạm Thị Hồng Thái (04014)
920	252PSY20102	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	5	08h00	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)
921	252PSY20103	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	5	08h00	28/07/2026	BPH012	Hoàng Minh Phú (61033)
922	252PSY20105	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	2	08h00	28/07/2026	BPH012	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
923	252PSY20106	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	5	08h00	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)
924	252PSY20108	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	2	08h00	28/07/2026	BPH012	Đỗ Hoàng Phúc (61079)
925	252PSY20110	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	2	08h00	28/07/2026	BPH012	Đỗ Hoàng Phúc (61079)
926	252PSY20111	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	6	08h00	28/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)
927	252PSY20113	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	9	08h00	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)
928	252PSY20114	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	9	08h00	28/07/2026	BPH104	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)
929	252PSY20115	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	29	08h00	28/07/2026	BPH102	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)
930	252PSY20116	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	3	08h00	28/07/2026	BPH102	Đỗ Hoàng Phúc (61079)
931	252PSY20117	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXXH	Tự luận 90	3	08h00	28/07/2026	BPH104	Vũ Thị Duyên (61522)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
932	252PSY20118	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	6	08h00	28/07/2026	BPH104	Vũ Thị Duyên (61522)
933	252PSY20119	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	9	08h00	28/07/2026	BPH008	Vũ Thị Duyên (61522)
934	252PSY20120	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	29	08h00	28/07/2026	BPH103	Vũ Thị Duyên (61522)
935	252PSY30802	Tâm lý học gia đình	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH108	Hoàng Minh Phú (61033)
936	252PSY30803	Tâm lý học gia đình	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH108	Nguyễn Anh Khoa (61706)
937	252PSY30804	Tâm lý học gia đình	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	1	13h30	28/07/2026	BPH108	Hoàng Minh Phú (61033)
938	252PSY30805	Tâm lý học gia đình	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	1	13h30	28/07/2026	BPH108	Nguyễn Thị Ngọc (60392)
939	252PSY30807	Tâm lý học gia đình	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	2	13h30	28/07/2026	BPH108	Nguyễn Thị Ngọc (60392)
940	252PSY42901	Tâm lý học quản lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	1	09h40	29/07/2026	BPH010	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
941	252PSY43101	Tâm lý học quản trị nhân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	1	09h40	24/07/2026	BPH008	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
942	252PSY44801	Tâm lý học thần kinh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	08h00	28/07/2026	BPH009	Nguyễn Tấn Đạt (61451)
943	252ECO32701	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	4	15h10	23/07/2026	BPH012	Phạm Tuấn Anh (61397)
944	252ECO32704	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	1	15h10	23/07/2026	BPH012	Phạm Tuấn Anh (61397)
945	252ECO32706	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	3	15h10	23/07/2026	BPH012	Lê Minh Phương Mai (61623)
946	252ECO32708	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	3	15h10	23/07/2026	BPH012	Lê Minh Phương Mai (61623)
947	252FIN42401	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	13h30	21/07/2026	BMT002	Trương Thị Thanh Nga (60891)
948	252FIN42402	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	13h30	21/07/2026	BMT002	Trương Thị Thanh Nga (60891)
949	252FIN42403	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	13h30	21/07/2026	BMT002	Trương Thị Thanh Nga (60891)
950	252FIN42404	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	13h30	21/07/2026	BMT002	Trương Thị Thanh Nga (60891)
951	252FIN42405	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	13h30	21/07/2026	BMT004	Trương Thị Thanh Nga (60891)
952	252FIN42406	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	13h30	21/07/2026	BMT004	Trương Thị Thanh Nga (60891)
953	252FIN42407	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	13h30	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
954	252FIN42408	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	13h30	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
955	252FIN42409	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	13h30	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
956	252FIN42410	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	13h30	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
957	252FIN42411	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	13h30	21/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
958	252FIN42412	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	8	13h30	21/07/2026	DMT019	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
959	252FIN42413	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	13h30	21/07/2026	DMT019	Phan Thị Phương Linh (60938)
960	252FIN42414	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	13h30	21/07/2026	DMT019	Phan Thị Phương Linh (60938)
961	252FIN42415	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	13h30	21/07/2026	DMT019	Phan Thị Phương Linh (60938)
962	252FIN42416	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	13h30	21/07/2026	DMT019	Đặng Thị Thanh Mai (60854)
963	252TRA30701	Thiết kế tour	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	8	13h30	20/07/2026	BPH012	Du Quốc Đạo (60734)
964	252TRA30702	Thiết kế tour	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	12	13h30	20/07/2026	BPH012	Du Quốc Đạo (60734)
965	252MMC40301	Thiết kế web	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Bài tập lớn	1		31/07/2026		Phạm Văn Thi (61298)
966	252MMC40308	Thiết kế web	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Bài tập lớn	1		31/07/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (60386)
967	243PRO41803	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		31/07/2026		Bùi Minh Tiết (61029)
968	252NAS20301	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	8	13h30	27/07/2026	BPH102	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
969	252NAS20302	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	6	13h30	27/07/2026	BPH102	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
970	252NAS20303	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	4	13h30	27/07/2026	BPH102	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
971	252NAS20304	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	7	13h30	27/07/2026	BPH102	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
972	252NAS20305	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	46	13h30	27/07/2026	BPH103	Hoàng Sơn Tùng (60359)
973	252NAS20306	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	29	09h40	21/07/2026	BPH007	Hoàng Sơn Tùng (60359)
974	252NAS20307	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	14	13h30	27/07/2026	BPH104	Hoàng Sơn Tùng (60359)
975	252NAS20308	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	9	13h30	27/07/2026	BPH104	Phan Thanh Mỹ (61329)
976	252NAS20309	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	2	13h30	27/07/2026	BPH104	Phan Thanh Mỹ (61329)
977	252NAS20310	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	4	13h30	27/07/2026	BPH104	Tổng Mỹ Thanh (60051)
978	252NAS20311	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	3	13h30	27/07/2026	BPH104	Phan Thanh Mỹ (61329)
979	252NAS20312	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	9	13h30	27/07/2026	BPH104	Tổng Mỹ Thanh (60051)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
980	252NAS20313	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	7	15h10	21/07/2026	BPH106	Trương Nhã Bình (61575)
981	252NAS20314	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	6	15h10	21/07/2026	BPH106	Trương Nhã Bình (61575)
982	252NAS20315	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	3	15h10	21/07/2026	BPH106	Tổng Mỹ Thanh (60051)
983	252NAS20319	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	4	15h10	21/07/2026	BPH106	Lưu Hoàng Giang (02020)
984	252NAS20320	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	6	15h10	21/07/2026	BPH106	Lưu Hoàng Giang (02020)
985	252NAS20321	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	6	15h10	21/07/2026	BPH108	Trương Phi Cường (60971)
986	252NAS20322	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	7	15h10	21/07/2026	BPH108	Trương Phi Cường (60971)
987	252NAS20323	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	17	15h10	21/07/2026	BPH108	Trương Phi Cường (60971)
988	252NAS20324	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	15	13h30	27/07/2026	BPH107	Trương Phi Cường (60971)
989	252NAS20325	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	8	13h30	27/07/2026	BPH107	Trương Phi Cường (60971)
990	252NAS20326	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	4	13h30	27/07/2026	BPH107	Trương Phi Cường (60971)
991	252NAS20327	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	11	13h30	27/07/2026	BPH107	Trương Phi Cường (60971)
992	252NAS20328	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	5	13h30	27/07/2026	BPH108	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)
993	252NAS20329	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	2	13h30	27/07/2026	BPH108	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)
994	252NAS20330	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	5	13h30	27/07/2026	BPH108	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)
995	252NAS20331	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	3	13h30	27/07/2026	BPH108	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)
996	252NAS20332	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	5	13h30	27/07/2026	BPH108	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)
997	252NAS20333	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	4	13h30	27/07/2026	BPH108	Trương Anh Tuấn (61023)
998	252NAS20334	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	7	13h30	27/07/2026	BPH108	Trương Anh Tuấn (61023)
999	252NAS20335	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	3	13h30	27/07/2026	BPH108	Trương Anh Tuấn (61023)
1000	252NAS20336	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	3	13h30	27/07/2026	BPH108	Trương Anh Tuấn (61023)
1001	252NAS20337	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	4	13h30	27/07/2026	BPH109	Trương Anh Tuấn (61023)
1002	252NAS20338	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	2	13h30	27/07/2026	BPH109	Trương Anh Tuấn (61023)
1003	252NAS20339	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	3	13h30	27/07/2026	BPH109	Trương Anh Tuấn (61023)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1004	252NAS20340	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	7	13h30	27/07/2026	BPH109	Lê Văn Thắng (60189)
1005	252NAS20341	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	1	13h30	27/07/2026	BPH109	Lê Văn Thắng (60189)
1006	252NAS20342	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	9	13h30	27/07/2026	BPH109	Lê Văn Thắng (60189)
1007	252NAS20343	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	4	13h30	27/07/2026	BPH109	Lê Văn Thắng (60189)
1008	252NAS20344	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	6	15h10	27/07/2026	BPH103	Trịnh Minh Quang (61690)
1009	252NAS20345	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	9	15h10	27/07/2026	BPH103	Nguyễn Xuân Phương (61630)
1010	252NAS20346	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	14	15h10	27/07/2026	BPH103	Nguyễn Xuân Phương (61630)
1011	252CHI43003	Thư tín thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	11	09h40	28/07/2026	BPH108	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1012	252CHI43007	Thư tín thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	7	09h40	28/07/2026	BPH108	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1013	252CHI43008	Thư tín thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	8	09h40	28/07/2026	BPH108	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1014	252CHI43009	Thư tín thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	7	09h40	28/07/2026	BPH108	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1015	252FIN42801	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	15h10	21/07/2026	BPH012	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
1016	252FIN42802	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	15h10	21/07/2026	BPH012	Phan Hiền Minh (02006)
1017	252FIN42803	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	15h10	21/07/2026	BPH012	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
1018	252FIN42804	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	15h10	21/07/2026	BPH012	Phan Hiền Minh (02006)
1019	252FIN42805	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	15h10	21/07/2026	BPH012	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
1020	252FIN42806	Thuế	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	10	13h30	21/07/2026	BPH012	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
1021	252FIN42807	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	13h30	21/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
1022	252FIN42808	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	13h30	21/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
1023	252FIN42809	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	13h30	21/07/2026	BPH012	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
1024	252FIN42810	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	13h30	21/07/2026	BPH012	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)
1025	252INT42901	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	09h40	21/07/2026	DMT019	Nguyễn Minh Thi (60151)
1026	252INT42902	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	09h40	21/07/2026	DMT019	Nguyễn Minh Thi (60151)
1027	252INT42904	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	09h40	21/07/2026	DMT019	Nguyễn Minh Thi (60151)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1028	252INT42905	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	09h40	21/07/2026	DMT019	Nguyễn Minh Thi (60151)
1029	252LAW41601	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	15h10	23/07/2026	BPH012	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
1030	252PUR42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	23/07/2026	BPH012	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1031	252PUR42702	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	23/07/2026	BPH012	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1032	252HOS42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Thúy Oanh (03063)
1033	252HOS42704	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	2	15h10	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Thúy Oanh (03063)
1034	252HOS42708	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH011	TRỊNH MAI PHƯƠNG (60275)
1035	252HOS42801	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH011	Hoàng Tiểu Nga (60478)
1036	252PSY45801	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	30/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1037	252PSY45802	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	30/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017), Hoàng Minh Phú (61033)
1038	252MMC40201	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	22/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1039	252MMC40202	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	22/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1040	252MMC40203	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	22/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1041	252MMC40204	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	4	15h10	22/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1042	252MMC40205	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	22/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1043	252MMC40206	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	22/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1044	252MMC40207	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	1	15h10	22/07/2026	BPH009	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
1045	252MMC40208	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	22/07/2026	BPH009	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)
1046	252MMC40209	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	22/07/2026	BPH009	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)
1047	252MMC40210	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	1	15h10	22/07/2026	BPH009	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)
1048	252MMC40212	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	22/07/2026	BPH009	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)
1049	252MMC40213	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	22/07/2026	BPH009	Thạch Thị Quách Thi (60666)
1050	252LIT40601	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tổng hợp	4	09h40	30/07/2026	BPH008	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
1051	252LIT40603	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH008	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1052	252LIT40605	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tổng hợp	2	09h40	30/07/2026	BPH008	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
1053	252ENG32601	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT002	Nguyễn Tiến Huy (60655)
1054	252ENG32603	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	20/07/2026	BMT002	Lê Công Minh Tuấn (60419)
1055	252ENG32607	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT002	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
1056	252ENG32609	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BMT002	Phạm Duy Phương (60717)
1057	252ENG32611	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BMT002	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
1058	252ENG32613	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BMT002	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
1059	252ENG32615	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT002	Nguyễn Châu Long (60817)
1060	252ENG32617	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Vân (25141)
1061	252ENG32701	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	20/07/2026	BMT004	Đinh Thị Triều Giang (60882)
1062	252ENG32801	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	4	08h00	28/07/2026	BPH010	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
1063	252ENG32809	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	28/07/2026	BPH010	Châu Thục Quyên (61658)
1064	252ENG32811	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	28/07/2026	BPH010	Châu Thục Quyên (61658)
1065	252ENG32815	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	08h00	28/07/2026	BPH010	Nguyễn Thanh Hải (60704)
1066	252TRA44701	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	4	09h40	30/07/2026	BPH008	Hồ Thị Phượng (03067)
1067	252TRA44702	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH008	TRỊNH MAI PHƯƠNG (60275)
1068	252TRA44703	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	3	09h40	30/07/2026	BPH008	Huỳnh Thanh Bình (25063)
1069	252TRA44704	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH008	Huỳnh Thanh Bình (25063)
1070	252TRA44705	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	2	09h40	30/07/2026	BPH008	Huỳnh Thanh Bình (25063)
1071	252TRA44707	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	2	09h40	30/07/2026	BPH008	Huỳnh Thanh Bình (25063)
1072	252TRA44708	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH008	Hồ Thị Phượng (03067)
1073	252TRA44709	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	5	09h40	30/07/2026	BPH008	Hồ Thị Phượng (03067)
1074	252TRA44710	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	1	09h40	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Thúy Oanh (03063)
1075	252ENG20101	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	14	13h30	29/07/2026	BPH007	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1076	252ENG20103	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH007	Vương Phương Dung (60384)
1077	252ENG20104	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH007	Hà Nam Bình (60942)
1078	252ENG20105	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH007	Hà Nam Bình (60942)
1079	252ENG20107	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH007	Hà Nam Bình (60942)
1080	252ENG20109	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH007	Lê Tiến (61656)
1081	252ENG20110	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH007	Thạch Thị Quách Thi (60666)
1082	252ENG201100	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	13h30	29/07/2026	BPH007	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
1083	252ENG201101	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH007	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
1084	252ENG201102	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH007	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
1085	252ENG201103	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH007	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
1086	252ENG201108	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH007	Phan Thị Miên Thảo (60693)
1087	252ENG201109	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)
1088	252ENG20111	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH008	Thái Nguyễn Tổ Loan (60729)
1089	252ENG201110	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)
1090	252ENG201111	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)
1091	252ENG201112	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)
1092	252ENG201114	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)
1093	252ENG201115	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)
1094	252ENG201116	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH008	Bùi Chí Thuận (61450)
1095	252ENG201117	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
1096	252ENG201118	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
1097	252ENG20112	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
1098	252ENG201124	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
1099	252ENG201126	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH008	Thạch Thị Quách Thi (60666)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1100	252ENG201127	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH008	Nim Ngọc Yến (25056)
1101	252ENG201128	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH008	Nim Ngọc Yến (25056)
1102	252ENG201129	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH008	Nim Ngọc Yến (25056)
1103	252ENG20113	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH008	Lê Tiến (61656)
1104	252ENG201130	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH008	Nim Ngọc Yến (25056)
1105	252ENG201132	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH008	La Thị Hồng Loan (25106)
1106	252ENG201133	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	13h30	29/07/2026	BPH009	Trần Việt Anh (61655)
1107	252ENG201136	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH009	Lê Thùy Trang (25057)
1108	252ENG201137	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Lê Thùy Trang (25057)
1109	252ENG201138	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Lê Thùy Trang (25057)
1110	252ENG201140	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Lê Thùy Trang (25057)
1111	252ENG201142	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH009	Ngô Huệ Nghi (60753)
1112	252ENG201143	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
1113	252ENG201144	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Ngô Huệ Nghi (60753)
1114	252ENG201145	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Thái Nguyễn Tổ Loan (60729)
1115	252ENG201146	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH009	Trần Thị Ngọc Châu (60920)
1116	252ENG201147	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Trần Thị Ngọc Châu (60920)
1117	252ENG201148	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Vương Phương Dung (60384)
1118	252ENG201149	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Hoàng Tiểu Nga (60478)
1119	252ENG201150	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Tiến Huy (60655)
1120	252ENG201154	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH009	Đinh Thị Triều Giang (60882)
1121	252ENG201157	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	13h30	29/07/2026	BPH009	Đinh Thị Triều Giang (60882)
1122	252ENG201159	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Châu Thị Khánh Linh (25045)
1123	252ENG20116	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Phạm Văn Thóa (61437)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1124	252ENG201160	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Phan Văn Quang (61688)
1125	252ENG201161	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH009	Trần Thị Hải (60673)
1126	252ENG201163	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH009	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)
1127	252ENG201165	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH010	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)
1128	252ENG201166	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH010	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)
1129	252ENG201168	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH010	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)
1130	252ENG201170	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH010	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)
1131	252ENG201171	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH010	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)
1132	252ENG201172	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH010	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)
1133	252ENG201173	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH010	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)
1134	252ENG201176	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH010	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)
1135	252ENG201177	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH010	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)
1136	252ENG201179	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH010	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)
1137	252ENG201182	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH010	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
1138	252ENG201183	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH010	Trần Thị Lê Ánh (60483)
1139	252ENG201189	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH010	Phan Văn Quang (61688)
1140	252ENG201193	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH010	Timothy James Rossiter (60565)
1141	252ENG201194	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH012	Timothy James Rossiter (60565)
1142	252ENG201195	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Timothy James Rossiter (60565)
1143	252ENG201196	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Timothy James Rossiter (60565)
1144	252ENG201198	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Timothy James Rossiter (60565)
1145	252ENG20121	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
1146	252ENG20122	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
1147	252ENG20123	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1148	252ENG20124	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
1149	252ENG20125	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
1150	252ENG20129	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Hồng Thắm (60700)
1151	252ENG20130	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
1152	252ENG20131	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Phan Anh Dũng (61021)
1153	252ENG20132	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Phan Anh Dũng (61021)
1154	252ENG20133	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Phan Anh Dũng (61021)
1155	252ENG20134	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
1156	252ENG20136	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)
1157	252ENG20137	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Hồ Thị Hiếu (61354)
1158	252ENG20140	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Hồ Thị Hiếu (61354)
1159	252ENG20142	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH012	Hồ Thị Hiếu (61354)
1160	252ENG20143	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Nhân (61695)
1161	252ENG20144	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Nguyễn Đài Trang (61285)
1162	252ENG20146	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Mai Thị Thủy Phương (60563)
1163	252ENG20150	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH012	Trần Thị Lệ Ánh (60483)
1164	252ENG20151	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH012	Trần Thị Hải (60673)
1165	252ENG20152	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH102	Trần Thị Liên Đài (61699)
1166	252ENG20153	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	13h30	29/07/2026	BPH102	Trần Thị Liên Đài (61699)
1167	252ENG20155	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
1168	252ENG20156	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Hoàng Tiểu Nga (60478)
1169	252ENG20158	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH102	Trần Thị Hải (60673)
1170	252ENG20159	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH102	Trần Thị Hải (60673)
1171	252ENG20161	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Hồ Như Vy (61288)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1172	252ENG20164	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
1173	252ENG20165	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
1174	252ENG20166	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)
1175	252ENG20167	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)
1176	252ENG20168	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)
1177	252ENG20169	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)
1178	252ENG20170	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Đài Trang (61285)
1179	252ENG20171	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
1180	252ENG20172	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Đài Trang (61285)
1181	252ENG20173	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)
1182	252ENG20174	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH102	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)
1183	252ENG20175	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	13h30	29/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)
1184	252ENG20177	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH104	Huỳnh Thanh Bình (25063)
1185	252ENG20179	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH104	Huỳnh Thanh Bình (25063)
1186	252ENG20181	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH104	Huỳnh Thanh Bình (25063)
1187	252ENG20182	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH104	Huỳnh Thanh Bình (25063)
1188	252ENG20184	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH104	Trần Hoàng Phúc (61507)
1189	252ENG20185	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH104	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
1190	252ENG20187	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH104	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
1191	252ENG20188	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Vân (25141)
1192	252ENG20189	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH104	Lê Tiến (61656)
1193	252ENG20191	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Vân (25141)
1194	252ENG20192	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Vân (25141)
1195	252ENG20195	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	29/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1196	252ENG20197	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	29/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)
1197	252ENG20198	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)
1198	252ENG20199	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	29/07/2026	BPH104	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)
1199	252ENG20201	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	10	15h10	29/07/2026	BPH007	Đinh Trần Thúy Liễu (61248)
1200	252ENG20202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH007	Thái Nguyễn Tổ Loan (60729)
1201	252ENG20203	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH007	Nguyễn Thị Phương Khanh (61255)
1202	252ENG20204	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH007	Đào Thị Trường Xuân (60919)
1203	252ENG20205	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	29/07/2026	BPH007	Phạm Duy Phương (60717)
1204	252ENG20207	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH007	Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)
1205	252ENG20208	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH007	Nguyễn Thị Ngọc Uyên (60943)
1206	252ENG20209	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH007	Phan Thị Miên Thảo (60693)
1207	252ENG20210	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH007	Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)
1208	252ENG20212	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	29/07/2026	BPH008	Trần Thị Ngọc Châu (60920)
1209	252ENG20213	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH008	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)
1210	252ENG20214	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH008	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)
1211	252ENG20216	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH008	Trần Thị Ngọc Châu (60920)
1212	252ENG20217	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)
1213	252ENG20219	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Châu Long (60817)
1214	252ENG20220	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH008	La Thị Hồng Loan (25106)
1215	252ENG20221	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Đài Trang (61285)
1216	252ENG20222	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH008	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)
1217	252ENG20224	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH008	Võ Huyền Trinh (61247)
1218	252ENG20225	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	29/07/2026	BPH008	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)
1219	252ENG20229	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH009	Nim Ngọc Yến (25056)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1220	252ENG20230	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH009	Nim Ngọc Yến (25056)
1221	252ENG20231	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	29/07/2026	BPH009	Nim Ngọc Yến (25056)
1222	252ENG20235	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)
1223	252ENG20244	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Thị Hồng Thắm (60700)
1224	252ENG20245	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH009	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
1225	252ENG20248	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH009	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
1226	252ENG20250	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH009	Trần Thị Quốc Thanh (60629)
1227	252ENG20251	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH009	Trần Thị Quốc Thanh (60629)
1228	252ENG20253	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH009	Trần Thị Quốc Thanh (60629)
1229	252ENG20263	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	29/07/2026	BPH009	Đinh Trần Thủy Liễu (61248)
1230	252ENG20265	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH009	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)
1231	252ENG20271	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH009	Võ Huyền Trinh (61247)
1232	252ENG20272	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH010	Lê Thùy Trang (25057)
1233	252ENG20275	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH010	Trần Hoàng Phúc (61507)
1234	252ENG20277	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH010	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
1235	252ENG20279	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH010	Phạm Duy Phương (60717)
1236	252ENG20280	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH010	Phạm Duy Phương (60717)
1237	252ENG32303	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	13h30	20/07/2026	BPH011	Thạch Thị Quách Thi (60666)
1238	252ENG32305	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	20/07/2026	BPH011	Thạch Thị Quách Thi (60666)
1239	252ENG32307	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	20/07/2026	BPH011	Thạch Thị Quách Thi (60666)
1240	252ENG32309	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	20/07/2026	BPH011	Thái Nguyễn Tổ Loan (60729)
1241	252ENG32311	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	20/07/2026	BPH011	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
1242	252ENG32401	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	20/07/2026	BPH011	Nguyễn Đức Huy (61708)
1243	252ENG32501	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	20/07/2026	BPH011	Hồ Như Vy (61288)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1244	252ENG32509	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	20/07/2026	BPH011	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
1245	252ENG32511	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	20/07/2026	BPH011	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)
1246	252ENG32513	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	20/07/2026	BPH011	Timothy James Rossiter (60565)
1247	252ENG32201	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	29/07/2026	BPH010	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
1248	252ENG32203	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH010	Võ Huyền Trinh (61247)
1249	252ENG32209	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH010	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
1250	252ENG32211	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH010	Phạm Duy Phương (60717)
1251	252ENG32217	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH010	Mai Thị Thúy Phương (60563)
1252	252ENG43501	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	23/07/2026	BMT004	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
1253	252ENG34703	Tiếng Anh viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	30/07/2026	BPH009	Trần Thị Thủy Trang (61289)
1254	252ENG34705	Tiếng Anh viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	30/07/2026	BPH009	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)
1255	252ENG34707	Tiếng Anh viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	30/07/2026	BPH009	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
1256	252ENG34711	Tiếng Anh viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	30/07/2026	BPH009	Nguyễn Thị Mơ (60472)
1257	252ENG34719	Tiếng Anh viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	30/07/2026	BPH009	Nguyễn Thị Vân (25141)
1258	252ENG32901	Tiếng Anh viết 2	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	30/07/2026	BPH009	Nguyễn Thị Mơ (60472)
1259	252ENG33001	Tiếng Anh viết 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	7	15h10	20/07/2026	BPH012	Nim Ngọc Yến (25056)
1260	252ENG33005	Tiếng Anh viết 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	1	15h10	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
1261	252ENG33011	Tiếng Anh viết 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	1	15h10	20/07/2026	BPH012	Huỳnh Phước Tường (60661)
1262	252ENG33013	Tiếng Anh viết 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	3	15h10	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)
1263	252ENG33017	Tiếng Anh viết 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	2	15h10	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)
1264	252ENG33019	Tiếng Anh viết 3	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	7	15h10	20/07/2026	BPH012	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)
1265	252KOR32201	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	09h40	20/07/2026	BPH009	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
1266	252KOR31601	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH011	Lưu Nhuệ Bang (60587)
1267	252KOR31603	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH011	Lưu Nhuệ Bang (60587)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1268	252KOR31803	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	5	15h10	29/07/2026	BPH011	Lê Đăng Tường Vy (60466)
1269	252KOR31805	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH011	Lê Đăng Tường Vy (60466)
1270	252KOR31807	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	4	15h10	29/07/2026	BPH011	Lưu Nhuệ Bang (60587)
1271	252KOR32701	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	4	15h10	30/07/2026	BPH011	Chềnh Cao Ngọc Linh (25003)
1272	252KOR32703	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	3	15h10	30/07/2026	BPH011	Chềnh Cao Ngọc Linh (25003)
1273	252KOR32707	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	2	15h10	30/07/2026	BPH011	Lê Đăng Tường Vy (60466)
1274	252KOR32715	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH011	Lưu Nhuệ Bang (60587)
1275	252KOR32801	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Tổng hợp	4	13h30	30/07/2026	BPH008	Chềnh Cao Ngọc Linh (25003)
1276	252KOR32101	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	20/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
1277	252KOR20101	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	08h00	28/07/2026	BPH009	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)
1278	252KOR20107	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	08h00	28/07/2026	BPH009	Đặng Thị Diệu Linh (60750)
1279	252KOR20205	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	08h00	23/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
1280	252KOR20206	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	08h00	23/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
1281	252KOR20207	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	08h00	23/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
1282	252KOR31303	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	1	08h00	21/07/2026	DPH015	Baek Myeongjin (60471)
1283	252KOR31501	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	1	08h00	21/07/2026	DPH015	Jung Hye Gyung (25170)
1284	252KOR31503	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	3	08h00	21/07/2026	DPH015	Jung Hye Gyung (25170)
1285	252KOR32901	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	1	08h00	21/07/2026	DPH015	Kim Dong Seok (25171)
1286	252KOR32905	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	2	08h00	21/07/2026	DPH015	Kim Dong Seok (25171)
1287	252KOR32909	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	1	08h00	21/07/2026	DPH015	Kim Dong Seok (25171)
1288	252KOR32915	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	1	08h00	21/07/2026	DPH015	Kim Dong Seok (25171)
1289	252KOR42501	Tiếng Hàn nghe - nói 8	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	3	08h00	22/07/2026	BPH011	Cao Thủy Oanh (25004)
1290	252KOR45605	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	1	08h00	22/07/2026	BPH011	Jung Hye Gyung (25170)
1291	252KOR45607	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Vấn đáp	1	08h00	22/07/2026	BPH011	Jung Hye Gyung (25170)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1292	252KOR43201	Tiếng Hàn ngữ pháp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	08h00	27/07/2026	BMT002	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)
1293	252KOR45705	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	Bài tập lớn	1		31/07/2026		Back Myeongjin (60471)
1294	252JAP34001	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	29/07/2026	BPH011	Thái Phương Thảo (61526)
1295	252JAP34003	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH011	Thái Phương Thảo (61526)
1296	252JAP45101	Tiếng Nhật đọc - viết 6	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH008	Nguyễn Công Nguyên (25084)
1297	252JAP45201	Tiếng Nhật đọc - viết 7	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	09h40	27/07/2026	BPH012	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
1298	252JAP49401	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	30/07/2026	BPH009	Trương Thanh Tùng (60283)
1299	252JAP49403	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	7	13h30	30/07/2026	BPH009	Trương Thanh Tùng (60283)
1300	252JAP49405	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	13	13h30	30/07/2026	BPH009	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1301	252JAP49301	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	30/07/2026	BPH010	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
1302	252JAP49303	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	6	15h10	30/07/2026	BPH010	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
1303	252JAP49305	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH010	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
1304	252JAP45601	Tiếng Nhật đọc 6	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	30/07/2026	BPH009	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
1305	252JAP45701	Tiếng Nhật đọc 7	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH010	Trương Thanh Tùng (60283)
1306	252JAP34301	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	22/07/2026	DPH015	Phan Thị Kim Hiện (60461)
1307	252JAP34303	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	22/07/2026	DPH015	Phan Thị Kim Hiện (60461)
1308	252JAP34501	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	7	08h00	27/07/2026	DPH015	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
1309	252JAP34503	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	27/07/2026	DPH015	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
1310	252JAP44201	Tiếng Nhật nghe - nói 6	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	7	08h00	22/07/2026	DPH015	Nguyễn Công Nguyên (25084)
1311	252JAP44301	Tiếng Nhật nghe - nói 7	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	17	08h00	27/07/2026	DPH015	Nguyễn Thị Hoa (61681)
1312	252JAP49603	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	24/07/2026	DPH015	Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)
1313	252JAP49501	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	20/07/2026	BPH102	Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)
1314	252JAP49503	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	20/07/2026	BPH102	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
1315	252JAP49505	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	8	08h00	20/07/2026	BPH102	Hồ Thị Minh Hiền (60679)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1316	252JAP34601	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	24/07/2026	BPH009	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
1317	252JAP34603	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	4	09h40	24/07/2026	BPH009	Phan Thị Kim Hiền (60461)
1318	252JAP34801	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	24/07/2026	BPH009	Võ Thị Minh Diễm (61539)
1319	252JAP34803	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	24/07/2026	BPH009	Võ Thị Minh Diễm (61539)
1320	252JAP46401	Tiếng Nhật ngữ pháp 7	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	30/07/2026	BPH010	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
1321	252JAP49701	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH102	Võ Thị Minh Diễm (61539)
1322	252JAP49703	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH102	Võ Thị Minh Diễm (61539)
1323	252JAP49705	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	21	15h10	29/07/2026	BPH102	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1324	252FRE51501	Tiếng Pháp trong đàm phán thương mại	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	30/07/2026	BPH011	Nguyễn Minh Thắng (60553)
1325	242FRE41101	Tiếng Pháp trong thư tín thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	1	08h00	28/07/2026	BPH008	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)
1326	252CHI20301	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	08h00	28/07/2026	BPH009	Nguyễn Cảnh Chương (61645)
1327	252CHI20303	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	28/07/2026	BPH009	Nguyễn Cảnh Chương (61645)
1328	252CHI20304	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	28/07/2026	BPH009	Nguyễn Cảnh Chương (61645)
1329	252CHI20205	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	8	09h40	24/07/2026	BPH009	Lê Thị Thanh Thảo (61646)
1330	252CHI20211	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	4	09h40	24/07/2026	BPH009	Lê Thị Thanh Thảo (61646)
1331	252CHI20212	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	24/07/2026	BPH009	Lê Thị Thanh Thảo (61646)
1332	252CHI41801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	10	08h00	20/07/2026	DPH015	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1333	252CHI41802	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	9	08h00	20/07/2026	DPH015	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1334	252CHI41804	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	20/07/2026	DPH015	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1335	252CHI41805	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	20/07/2026	DPH015	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1336	252CHI41806	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	20/07/2026	DPH015	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1337	252CHI45701	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	16	13h30	20/07/2026	DPH015	Ngô Thị Minh Thùy (61172)
1338	252CHI45801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	08h00	27/07/2026	BPH008	Phan Thành Nhật (60751)
1339	252CHI45802	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	08h00	27/07/2026	BPH008	Phan Thành Nhật (60751)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1340	252CHI45804	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	27/07/2026	BPH008	Phan Thành Nhật (60751)
1341	252CHI45805	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	08h00	27/07/2026	BPH008	Phan Thành Nhật (60751)
1342	252CHI42004	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	29/07/2026	BPH012	Lê Thanh Thu (60457)
1343	252CHI42006	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH012	Lê Thanh Thu (60457)
1344	252CHI42008	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH012	Lê Thanh Thu (60457)
1345	252CHI42009	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH012	Lê Thanh Thu (60457)
1346	252CHI43901	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH012	Lê Thanh Thu (60457)
1347	252CHI43902	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH012	Lê Thanh Thu (60457)
1348	252CHI45901	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	29/07/2026	BPH012	Phan Thành Nhật (60751)
1349	252CHI45903	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	29/07/2026	BPH012	Đoàn Ngọc Sơn (61663)
1350	252CHI34901	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
1351	252CHI34903	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
1352	252CHI34905	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
1353	252CHI34911	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
1354	252CHI34921	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Xuân Long (61687)
1355	252CHI34923	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Xuân Long (61687)
1356	252CHI34925	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	21/07/2026	BPH104	Đoàn Thị Nam Phương (61362)
1357	252CHI34927	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	21/07/2026	BPH104	Đoàn Thị Nam Phương (61362)
1358	252CHI34929	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	21/07/2026	BPH104	Trương Tư Triền (60286)
1359	252CHI34933	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	21/07/2026	BPH104	Trương Tư Triền (60286)
1360	252CHI34937	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	7	15h10	21/07/2026	BPH104	Trương Tư Triền (60286)
1361	252CHI34939	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	21/07/2026	BPH104	Trương Tư Triền (60286)
1362	252CHI34941	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
1363	252CHI34945	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1364	252CHI34947	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	21/07/2026	BPH104	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)
1365	252CHI34501	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	23/07/2026	DPH015	Phan Thị Hà (60686)
1366	252CHI34503	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	23/07/2026	DPH015	Phan Thị Hà (60686)
1367	252CHI34505	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	08h00	23/07/2026	DPH015	Phan Thị Hà (60686)
1368	252CHI34507	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	23/07/2026	DPH015	Phan Thị Hà (60686)
1369	252CHI34509	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	8	08h00	23/07/2026	DPH015	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
1370	252CHI34511	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	9	08h00	23/07/2026	BPH010	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
1371	252CHI34513	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	23/07/2026	BPH010	Phan Thị Hà (60686)
1372	252CHI34515	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	23/07/2026	BPH010	Phan Thị Hà (60686)
1373	252CHI34521	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	23/07/2026	BPH010	Xiong Lan Ying (61474)
1374	252CHI34523	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	08h00	23/07/2026	BPH010	Xiong Lan Ying (61474)
1375	252CHI34525	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	23/07/2026	BPH010	Xiong Lan Ying (61474)
1376	252CHI34527	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	7	08h00	23/07/2026	BPH010	Xiong Lan Ying (61474)
1377	252CHI34701	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	23/07/2026	DPH015	Xiong Lan Ying (61474)
1378	252CHI34703	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	13h30	23/07/2026	DPH015	Xiong Lan Ying (61474)
1379	252CHI34705	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	13h30	23/07/2026	DPH015	Huỳnh Khánh Linh (61576)
1380	252CHI34707	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	13h30	23/07/2026	DPH015	Huỳnh Khánh Linh (61576)
1381	252CHI34709	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	13h30	23/07/2026	DPH015	Huỳnh Khánh Linh (61576)
1382	252CHI34711	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	13h30	23/07/2026	DPH015	Huỳnh Khánh Linh (61576)
1383	252CHI34713	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	23/07/2026	DPH015	Huỳnh Khánh Linh (61576)
1384	252CHI34715	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	13h30	23/07/2026	BPH010	Huỳnh Khánh Linh (61576)
1385	252CHI34717	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	13h30	23/07/2026	BPH010	Huỳnh Khánh Linh (61576)
1386	252CHI34725	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	8	13h30	23/07/2026	BPH010	Trần Tuyết Khanh (60631)
1387	252CHI34727	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	23/07/2026	BPH010	Trần Tuyết Khanh (60631)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1388	252CHI34731	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	13h30	23/07/2026	BPH010	Đoàn Ngọc Sơn (61663)
1389	252CHI34733	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	10	08h00	24/07/2026	BPH007	Đoàn Ngọc Sơn (61663)
1390	252CHI34735	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	9	08h00	24/07/2026	BPH007	Nguyễn Xuân Long (61687)
1391	252CHI34737	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	08h00	24/07/2026	BPH007	Nguyễn Xuân Long (61687)
1392	252CHI34745	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	08h00	24/07/2026	BPH007	Huỳnh Thị Hoa (61122)
1393	252CHI34801	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	27/07/2026	BPH008	Ji Xiang Hua (25121)
1394	252CHI34101	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BPH010	Ji Xiang Hua (25121)
1395	252CHI34103	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	22/07/2026	BPH010	Quách Thị Diệu Hằng (61574)
1396	252CHI34105	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	22/07/2026	BPH010	Quách Thị Diệu Hằng (61574)
1397	252CHI34109	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	22/07/2026	BPH010	Bùi Thị Mận (61572)
1398	252CHI34111	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BPH010	Bùi Thị Mận (61572)
1399	252CHI34113	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Anh Thư (61581)
1400	252CHI34115	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	22/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Anh Thư (61581)
1401	252CHI34117	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	22/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Anh Thư (61581)
1402	252CHI34119	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Anh Thư (61581)
1403	252CHI34121	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	22/07/2026	BPH010	Huỳnh Thị Hoa (61122)
1404	252ICI33801	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3.00	Đại học	Liên kết Quốc tế	Viện Đào tạo Quốc tế	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BPH009	Nguyễn Tấn Trường An (60353)
1405	252CHI34303	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	22/07/2026	BPH009	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1406	252CHI34305	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	22/07/2026	BPH009	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1407	252CHI34307	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	22/07/2026	BPH009	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1408	252CHI34311	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	4	09h40	22/07/2026	BPH009	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1409	252CHI34313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	4	09h40	22/07/2026	BPH009	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1410	252CHI34317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	22/07/2026	BPH009	Lê Ngọc Hiếu (60824)
1411	252CHI34325	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	22/07/2026	BPH009	Phạm Thành Anh (60571)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1412	252CHI34327	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BPH009	Phạm Thành Anh (60571)
1413	252CHI34345	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BPH009	Hoàng Tổ Nguyên (60572)
1414	252CHI34347	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BPH009	Hoàng Tổ Nguyên (60572)
1415	252CHI34401	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	29/07/2026	BPH110	Đoàn Ngọc Sơn (61663)
1416	252CHI33709	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	29/07/2026	BPH110	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1417	252CHI33711	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	29/07/2026	BPH110	Ji Xiang Hua (25121)
1418	252CHI33712	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	08h00	29/07/2026	BPH110	Ji Xiang Hua (25121)
1419	252CHI33713	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	29/07/2026	BPH110	Nguyễn Tấn Trường An (60353)
1420	252CHI33715	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	29/07/2026	BPH110	Phạm Thành Anh (60571)
1421	252CHI33716	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	29/07/2026	BPH110	Phạm Thành Anh (60571)
1422	252CHI33717	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	29/07/2026	BPH110	Phạm Thành Anh (60571)
1423	252CHI33718	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	29/07/2026	BPH110	Phạm Thành Anh (60571)
1424	252TRA42701	Tín ngưỡng phong tục và lễ hội Việt Nam	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 90	3	13h30	28/07/2026	BPH108	Trần Thanh Tuấn (61167)
1425	252LOG41802	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	4	09h40	23/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Phương Thư (61412)
1426	252LOG41803	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	9	09h40	23/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Phương Thư (61412)
1427	252LOG41805	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	8	09h40	23/07/2026	BPH012	Nguyễn Thị Phương Thư (61412)
1428	252BUS10102	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		31/07/2026		Nguyễn Tấn Trung (03006)
1429	252BUS10109	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		31/07/2026		Bùi Minh Tiết (61029)
1430	252NAS20201	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	08h00	27/07/2026	BPH103	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1431	252NAS20202	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	08h00	27/07/2026	BPH102	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1432	252NAS20203	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	08h00	27/07/2026	BPH102	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1433	252NAS20204	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	7	08h00	27/07/2026	BPH102	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1434	252NAS20205	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	08h00	27/07/2026	BPH102	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1435	252NAS20206	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	11	08h00	27/07/2026	BPH102	Tổng Mỹ Thanh (60051)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1436	252NAS20207	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	08h00	27/07/2026	BPH103	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1437	252NAS20208	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	08h00	27/07/2026	BPH103	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1438	252NAS20209	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	08h00	27/07/2026	BPH103	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1439	252NAS20210	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	08h00	27/07/2026	BPH103	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1440	252NAS20211	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	08h00	27/07/2026	BPH103	Đặng Văn Lực (60719)
1441	252NAS20212	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	08h00	27/07/2026	BPH103	Đặng Văn Lực (60719)
1442	252NAS20214	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	08h00	27/07/2026	BPH103	Lê Thị Minh Tâm (61610)
1443	252NAS20216	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	1	08h00	27/07/2026	BPH103	Phạm Kim Thủy (60617)
1444	252NAS20217	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	08h00	27/07/2026	BPH103	Phạm Kim Thủy (60617)
1445	252NAS30601	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	10	08h00	24/07/2026	BPH012	Lương Thái Hiền (01005)
1446	252NAS30602	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	12	08h00	24/07/2026	BPH012	Lương Thái Hiền (01005)
1447	252NAS30603	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	11	08h00	24/07/2026	BPH010	Lương Thái Hiền (01005)
1448	252NAS30604	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	3	08h00	24/07/2026	BPH010	Lương Thái Hiền (01005)
1449	252NAS30605	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	9	08h00	24/07/2026	BPH010	Lương Thái Hiền (01005)
1450	252TOU30501	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	5	08h00	23/07/2026	BPH008	Mai lý Hiền (61529)
1451	252TOU30502	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	2	08h00	23/07/2026	BPH008	Mai lý Hiền (61529)
1452	252TOU30504	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	1	08h00	23/07/2026	BPH008	Mai lý Hiền (61529)
1453	252TOU30505	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	1	08h00	23/07/2026	BPH008	Mai lý Hiền (61529)
1454	252TOU30506	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	4	08h00	23/07/2026	BPH008	Mai lý Hiền (61529)
1455	252TOU30507	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	2	08h00	23/07/2026	BPH008	Nguyễn Thị Diễm Tuyết (03009)
1456	252TOU30509	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	4	08h00	23/07/2026	BPH008	Mai lý Hiền (61529)
1457	252TOU30510	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	6	08h00	23/07/2026	BPH008	Mai lý Hiền (61529)
1458	252TOU30513	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	2	08h00	23/07/2026	BPH009	Phan Trần Tuyên (60059)
1459	252TOU30516	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 60	3	08h00	23/07/2026	BPH009	Ngô Xuân Hào (03005)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1460	252TOU30519	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tự luận 60	1	08h00	23/07/2026	BPH009	Ngô Xuân Hào (03005)
1461	252CHI45101	Trích giảng văn học Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	23/07/2026	BPH012	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1462	252POL10503	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	13h30	22/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Ngọc (61004)
1463	252POL10504	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	8	13h30	22/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Ngọc (61004)
1464	252POL10505	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	20/07/2026	DMT019	Nguyễn Thị Ngọc (61004)
1465	252POL10507	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	BMT002	Mai Thị Hồng Hà (60597)
1466	252POL10511	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
1467	252POL10512	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	22/07/2026	BMT002	Trần Thị Huyền Trang (60786)
1468	252POL10513	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	22/07/2026	BMT002	Phạm Thị Thùy (60849)
1469	252POL10514	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	BMT004	Phạm Thị Thùy (60849)
1470	252POL10515	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	13h30	22/07/2026	BMT004	Phạm Thị Thùy (60849)
1471	252POL10518	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	BMT004	Hồ Ngọc Vinh (60899)
1472	252POL10519	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	13h30	22/07/2026	BMT004	Hồ Ngọc Vinh (60899)
1473	252POL10520	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	BMT004	Hồ Ngọc Vinh (60899)
1474	252POL10521	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	BMT004	Đoàn Thị Huế (05049)
1475	252POL10522	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	BMT004	Đoàn Thị Huế (05049)
1476	252POL10523	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	BMT004	Đoàn Thị Huế (05049)
1477	252POL10524	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	13h30	22/07/2026	BMT004	Đoàn Thị Huế (05049)
1478	252POL10525	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	BMT004	Đoàn Thị Huế (05049)
1479	252POL10534	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
1480	252POL10535	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	22/07/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
1481	252POL10537	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT018	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
1482	252POL10538	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	DMT018	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
1483	252POL10539	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT018	Đinh Công Thanh Tùng (60581)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1484	252POL10548	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT018	Đình Công Thanh Tùng (60581)
1485	252POL10549	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	DMT018	Huỳnh Văn Giàu (05050)
1486	252POL10550	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	DMT018	Huỳnh Văn Giàu (05050)
1487	252POL10551	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	13h30	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Văn Ý (61102)
1488	252POL10552	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	13h30	22/07/2026	DMT018	Huỳnh Văn Giàu (05050)
1489	252POL10553	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	DMT018	Huỳnh Văn Giàu (05050)
1490	252POL10554	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	DMT018	Phạm Huy Bình (61679)
1491	252POL10555	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT018	Huỳnh Văn Giàu (05050)
1492	252POL10560	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)
1493	252POL10567	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	DMT018	Đoàn Thị May (61493)
1494	252POL10568	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	22/07/2026	DMT018	Đoàn Thị May (61493)
1495	252POL10569	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	22/07/2026	DMT018	Đoàn Thị May (61493)
1496	252POL10587	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)
1497	252POL10588	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	13h30	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)
1498	252POL10589	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)
1499	252POL10590	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Hồng Hoa (60594)
1500	252POL10594	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	13h30	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Hồng Hoa (60594)
1501	252MMC30712	Truyền thông số	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Tô Phú Khương (61208)
1502	252PUR44005	Truyền thông số	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		31/07/2026		Trần Xuân Tiến (11007)
1503	252POL10901	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	11	09h40	24/07/2026	BMT002	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
1504	252POL10902	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	24/07/2026	BMT002	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
1505	252POL10904	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	24/07/2026	BMT002	Dương Đức Hưng (05005)
1506	252POL10905	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	24/07/2026	BMT004	Dương Đức Hưng (05005)
1507	252POL10906	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	08h00	22/07/2026	DMT018	Dương Đức Hưng (05005)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1508	252POL10907	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	08h00	22/07/2026	DMT018	Dương Đức Hưng (05005)
1509	252POL10908	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	08h00	22/07/2026	DMT018	Dương Đức Hưng (05005)
1510	252POL10909	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	14	08h00	22/07/2026	DMT019	Dương Đức Hưng (05005)
1511	252POL10910	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	08h00	22/07/2026	DMT019	Tạ Trần Trọng (05003)
1512	252POL10911	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	08h00	22/07/2026	DMT019	Tạ Trần Trọng (05003)
1513	252POL10912	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	08h00	22/07/2026	DMT019	Trần Cường (60955)
1514	252POL10913	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	08h00	22/07/2026	DMT019	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1515	252POL10914	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	08h00	22/07/2026	DMT019	Tạ Trần Trọng (05003)
1516	252POL10915	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	08h00	22/07/2026	BMT004	Tạ Trần Trọng (05003)
1517	252POL10916	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	08h00	22/07/2026	BMT004	Trần Cường (60955)
1518	252POL10917	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	08h00	22/07/2026	BMT004	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1519	252POL10918	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	08h00	22/07/2026	BMT004	Tạ Trần Trọng (05003)
1520	252POL10919	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	08h00	22/07/2026	BMT004	Tạ Trần Trọng (05003)
1521	252POL10921	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	24/07/2026	BMT004	Phạm Thị Hồng Nhung (61638)
1522	252POL10922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	24/07/2026	BMT004	Phạm Thị Hồng Nhung (61638)
1523	252POL10923	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	09h40	24/07/2026	BMT004	Trần Cường (60955)
1524	252POL10928	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	24/07/2026	BMT004	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
1525	252POL10930	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	24/07/2026	BMT004	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
1526	252POL10931	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	22/07/2026	BMT004	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
1527	252POL10932	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	22/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thu Hường (60591)
1528	252POL10933	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thu Hường (60591)
1529	252POL10934	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thu Hường (60591)
1530	252POL10936	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	22/07/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thu Hường (60591)
1531	252POL10938	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	22/07/2026	BMT004	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1532	252POL10939	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	22/07/2026	DMT018	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1533	252POL10940	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	22/07/2026	DMT018	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1534	252POL10941	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	22/07/2026	DMT018	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1535	252POL10942	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	22/07/2026	DMT018	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1536	252POL10944	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	22/07/2026	DMT018	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)
1537	252POL10947	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	22/07/2026	DMT019	Bế Thị Thắm (61465)
1538	252POL10948	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	09h40	22/07/2026	DMT019	Bế Thị Thắm (61465)
1539	252POL10949	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	22/07/2026	DMT019	Bế Thị Thắm (61465)
1540	252POL10950	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	22/07/2026	DMT019	Bế Thị Thắm (61465)
1541	252LAW41501	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH012	Lê Thị Hồng Thơm (60694)
1542	252LAW40701	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	29/07/2026	BPH012	Lê Thị Hồng Thơm (60694)
1543	252LAW41103	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	08h00	27/07/2026	BPH105	Đỗ Trọng Hiền (60545)
1544	252LAW41104	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	08h00	27/07/2026	BPH105	Đỗ Trọng Hiền (60545)
1545	252LAW41105	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	08h00	27/07/2026	BPH105	Đỗ Trọng Hiền (60545)
1546	252LAW41106	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	08h00	27/07/2026	BPH105	Đỗ Trọng Hiền (60545)
1547	252TRA43001	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	3	08h00	27/07/2026	BPH105	Phan Minh Châu (61148)
1548	252TRA43002	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	2	08h00	27/07/2026	BPH105	Hà Huỳnh Minh Khánh (61675)
1549	252TRA43003	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	1	08h00	27/07/2026	BPH105	Hà Huỳnh Minh Khánh (61675)
1550	252JAP48801	Từ vựng học tiếng Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	11	08h00	29/07/2026	BPH109	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1551	252JAP48802	Từ vựng học tiếng Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	12	08h00	29/07/2026	BPH109	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1552	252CHI44801	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
1553	252CHI44802	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
1554	252CHI44803	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
1555	252CHI44804	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1556	252CHI44806	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
1557	252CHI44808	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	09h40	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
1558	252TOU31802	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	6	09h40	24/07/2026	BPH008	Tạ Đức Thụy (61530)
1559	252TOU31803	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	7	09h40	24/07/2026	BPH008	Tạ Đức Thụy (61530)
1560	252ACC30401	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Thực hành	1	08h00	21/07/2026	DMT010	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
1561	252ACC30403	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Thực hành	1	08h00	21/07/2026	DMT010	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
1562	252SOS10201	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	10	13h30	22/07/2026	DMT019	Du Quốc Đạo (60734)
1563	252SOS10202	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	7	13h30	22/07/2026	DMT019	Du Quốc Đạo (60734)
1564	252SOS10203	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	1	13h30	22/07/2026	DMT019	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
1565	252SOS10204	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	10	13h30	22/07/2026	DMT019	Đinh Thị Huê (61463)
1566	252SOS10205	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	10	13h30	22/07/2026	DMT019	Đinh Thị Huê (61463)
1567	252SOS10206	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	4	15h10	22/07/2026	BMT002	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1568	252SOS10207	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	5	15h10	22/07/2026	BMT002	Nguyễn Thị Hồng (60547)
1569	252SOS10208	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	6	15h10	22/07/2026	BMT002	Trần Thanh Tuấn (61167)
1570	252SOS10209	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	6	15h10	22/07/2026	BMT002	Lê Dương Khắc Minh (60387)
1571	252SOS10210	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	1	15h10	22/07/2026	BMT002	Lê Dương Khắc Minh (60387)
1572	252SOS10211	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	2	15h10	22/07/2026	BMT002	Lê Dương Khắc Minh (60387)
1573	252SOS10212	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	BMT002	Hồ Văn Quốc (04129)
1574	252SOS10213	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	5	15h10	22/07/2026	BMT004	Hồ Văn Quốc (04129)
1575	252SOS10214	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	6	15h10	22/07/2026	BMT004	Hồ Văn Quốc (04129)
1576	252SOS10215	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	BMT004	Hồ Văn Quốc (04129)
1577	252SOS10216	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	5	15h10	22/07/2026	BMT004	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)
1578	252SOS10217	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	BMT004	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)
1579	252SOS10218	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	DMT019	Đặng Quốc Minh Dương (11002)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc DT	Hệ DT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1580	252SOS10219	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	8	15h10	22/07/2026	DMT019	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
1581	252SOS10220	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	4	15h10	22/07/2026	DMT019	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1582	252SOS10221	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	5	15h10	22/07/2026	DMT018	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1583	252SOS10222	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	1	15h10	22/07/2026	DMT018	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
1584	252SOS10223	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	DMT018	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
1585	252SOS10224	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	7	15h10	22/07/2026	DMT018	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
1586	252SOS10225	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	DMT018	Du Quốc Đạo (60734)
1587	252SOS10226	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	2	15h10	22/07/2026	DMT018	Du Quốc Đạo (60734)
1588	252SOS10227	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	2	15h10	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Hồng (60547)
1589	252SOS10228	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	DMT018	Nguyễn Thị Hồng (60547)
1590	252SOS10229	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	6	15h10	22/07/2026	DMT018	Trần Thanh Tuấn (61167)
1591	252SOS10230	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Trắc nghiệm	3	15h10	22/07/2026	DMT018	Trần Thanh Tuấn (61167)
1592	252TOU32405	Văn hóa ẩm thực	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDL SK	Tiểu luận	1		31/07/2026		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
1593	252JAP35301	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	6	09h40	24/07/2026	BPH010	Nguyễn Thị Hoa (61681)
1594	252LIT31501	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	11	08h00	20/07/2026	BPH008	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)
1595	252LIT31503	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	5	08h00	20/07/2026	BPH008	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)
1596	252LIT31504	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	3	08h00	20/07/2026	BPH008	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)
1597	252LIT33201	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	5	15h10	21/07/2026	BPH010	Lê Thị Gấm (04062)
1598	252LIT33207	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	4	15h10	21/07/2026	BPH010	Lê Thị Gấm (04062)
1599	252LIT32803	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	1	08h00	23/07/2026	BPH009	Phạm Kim Ngân (61340)
1600	252LIT32805	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	6	08h00	23/07/2026	BPH009	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm (61352)
1601	252LIT32807	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	5	08h00	23/07/2026	BPH009	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm (61352)
1602	252NAS20401	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	2	15h10	22/07/2026	BPH102	Đoàn Văn Thuận (61383)
1603	252NAS20402	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	2	15h10	22/07/2026	BPH102	Đoàn Văn Thuận (61383)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1604	252NAS20403	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	1	15h10	22/07/2026	BPH102	Đoàn Văn Thuần (61383)
1605	252NAS20404	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	2	15h10	22/07/2026	BPH102	Đoàn Văn Thuần (61383)
1606	252NAS20405	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	4	15h10	22/07/2026	BPH102	Hồ Quốc Bảo (60932)
1607	252NAS20406	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	6	15h10	22/07/2026	BPH102	Hồ Quốc Bảo (60932)
1608	252NAS20407	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	9	15h10	22/07/2026	BPH102	Dương Quang Triết (60165)
1609	252NAS20408	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	7	15h10	22/07/2026	BPH102	Dương Quang Triết (60165)
1610	252COE30401	Vẽ kỹ thuật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	3	09h40	24/07/2026	BPH008	Trần Công Trí (61611)
1611	252FOT30901	Vi sinh thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Tự luận 90	2	09h40	24/07/2026	BPH008	Phạm Thị Hải Hà (61524)
1612	252PUR42501	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1613	252PUR42502	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1614	252PUR42503	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	6	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1615	252PUR42504	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1616	252PUR42505	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1617	252PUR42506	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1618	252PUR42507	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	2	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1619	252PUR42508	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	2	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1620	252PUR42509	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	2	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1621	252PUR42510	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	20/07/2026	DPH016	Phạm Thị Hương (04042)
1622	252PUR42511	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	2	09h40	20/07/2026	DPH017	Phạm Thị Hương (04042)
1623	252PUR42512	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	1	09h40	20/07/2026	DPH017	Phạm Thị Hương (04042)
1624	252PUR42513	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	7	09h40	20/07/2026	DPH017	Phạm Thị Hương (04042)
1625	252PUR42515	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	20/07/2026	DPH017	Phạm Thị Hương (04042)
1626	252PUR42516	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	20/07/2026	DPH017	Phạm Thị Hương (04042)
1627	252PUR42517	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	2	09h40	20/07/2026	DPH017	Phạm Thị Hương (04042)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1628	252PUR42519	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	5	09h40	20/07/2026	DPH017	Phạm Thị Hương (04042)
1629	252NUR42201	Y đức	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	20/07/2026	BMT002	Nguyễn Ngọc Hân (60769)

- Ghi chú:**
- Sinh viên xem Lịch thi chi tiết (ngày thi, giờ thi) tại Cổng thông tin sinh viên (<http://portal.vhu.edu.vn/>);
 - Sinh viên phải hoàn thành học phí để đủ điều kiện dự thi;
 - **Sinh viên phải mang theo Thẻ Sinh viên hoặc Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực và có mặt trước giờ thi 15 phút để làm thủ tục dự thi;**
 - Đối với các hình thức thi: báo cáo, bài tập lớn, biểu diễn, đồ án, khóa luận, thực hành, tiểu luận, Sinh viên nộp bài theo thời gian tại cột " Ngày thi ";
 - Ngày dự kiến cập nhật điểm lên hệ thống là 10 ngày kể từ ngày Giảng viên nộp điểm về TT. KT&ĐBCL, Sinh viên thường xuyên vào Portal để kiểm tra các thông tin liên quan;
 - Mọi thông tin liên quan, vui lòng liên hệ tổng đài 18001568 để được hỗ trợ giải đáp.

- Nơi nhận:**
- Thường trực HĐT (để b/c);
 - Các Khoa/Viện (để t/h);
 - Các ban: QLĐT, QLCSVC, TC; TT. CSNH (để phối hợp t/h);
 - Lưu VT, TT. KT&ĐBCL.

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà